

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3
Năm báo cáo: Năm 2017

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301475102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp lần đầu ngày 17/11/2007 và đăng ký thay đổi lần 9 ngày 13/02/2018.
- Vốn điều lệ: 48.684.270.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 48.684.270.000 đồng.
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 08.22211169
- Số fax: 08.39307938
- Website: www.pecc3.com.vn
- Mã cổ phiếu: TV3



Trụ sở Công ty

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là Phòng Thiết kế điện trực thuộc Công ty Điện lực miền Nam (1975), do nhu cầu phát triển nguồn và lưới điện nên ngày 13/02/1979 Bộ Điện và Than đã có QĐ số: 04/ĐT/TCCB thành lập Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thay thế cho Phòng Thiết kế điện của Công ty Điện lực miền Nam. Đến ngày 7/5/1986 Bộ Điện Lực có QĐ số: 128/ĐL/TCCB cho đổi tên Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thành Trung tâm Năng lượng trực thuộc Công ty Điện lực 2 (tên mới của Công ty Điện lực Miền Nam).
- Năm 1995, ngay sau khi thành lập Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Trung tâm Năng lượng được tách từ Công ty Điện lực 2 chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam theo QĐ số: 429/ĐVN-TCCB-LĐ ngày 24/6/1995.
- Ngày 07/4/1999 theo QĐ số: 17/1999/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, quyết định chuyển Trung tâm Năng lượng thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- Ngày 26/01/2007 theo QĐ số: 335/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 thành Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên của Công ty đã được thực hiện ngày 01 tháng 12 năm 2009.
- Trải qua hơn 38 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 không ngừng lớn mạnh, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, nhờ đó đã được Nhà nước tặng 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba, 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Lao động hạng Nhì và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- a) Lập qui hoạch phát triển điện lực các huyện, tỉnh, thành phố và qui hoạch phát triển các dự án nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, và năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt).
- b) Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu các dự án nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, năng lượng tái tạo; dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án đường dây tải điện và trạm biến áp.

- c) Khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn xây dựng công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, công trình dân dụng và công nghiệp.
- d) Thiết kế, lập tổng dự toán công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp); công trình thủy lợi, thủy điện (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc và thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình giao thông cầu - đường bộ;
- đ) Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định tổng dự toán và hồ sơ mời thầu... các dự án xây dựng nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và công trình dân dụng và công nghiệp.
- e) Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi, công trình thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân và năng lượng tái tạo; công trình dân dụng và công nghiệp, đường dây tải điện và trạm biến áp.
- g) Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp.
- h) Giám sát thi công và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông cầu - đường bộ;
- i) Giám sát công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn các công trình xây dựng nhà máy điện, lưới điện dân dụng và công nghiệp.
- k) Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp.
- l) Thi công khoan phụt bê tông, khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng.
- m) Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất.
- n) Thí nghiệm đất, đá, cát, nước, bê tông, thép và các loại vật liệu xây dựng khác.
- o) Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, năng lượng tái tạo và các công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- p) Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng.
- q) Đo đạc bản đồ địa hình, địa chất, và vẽ bản đồ địa chính, chuyên ngành, Atlas...
- r) Khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế công trình viễn thông.

- s) Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường, di dân tái định cư, đo đạc giải thửa, đền bù giải phóng mặt bằng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp.
- t) Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp.
- u) Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- v) Kinh doanh bất động sản.
- w) Thiết kế bản vẽ thi công và giám sát thi công hệ thống PCCC cho các công trình.

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có địa bàn kinh doanh trên toàn lãnh thổ (bao gồm cả đảo) của nước Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Lào, Cam Pu Chia ...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có cơ cấu tổ chức như sau:

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và ban Tổng Giám đốc
- Khối các đơn vị quản lý gồm 3 đơn vị là: phòng Tổ chức - nhân sự; phòng Kế hoạch - kinh doanh và phòng Tài chính - kế toán;
- Khối các phòng phục vụ và quản lý kỹ thuật gồm các đơn vị: Văn phòng Công ty, phòng Kỹ thuật & quản lý chất lượng, phòng Công nghệ thông tin.
- Khối các phòng trực tiếp sản xuất gồm các đơn vị: Phòng Thiết kế trạm, phòng Thiết kế đường dây, phòng Tư vấn đền bù, phòng Môi trường, Trung tâm Nhiệt điện và Điện hạt nhân, phòng Thiết kế thủy điện, phòng Năng lượng tái tạo, Ban Tư vấn giám sát thủy điện Xekaman.
- Khối các đơn vị trực thuộc Công ty (Chi nhánh công ty).
 - + Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát và xây dựng điện.

Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm - Phường 7 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp).

+ Chi nhánh miền Trung:

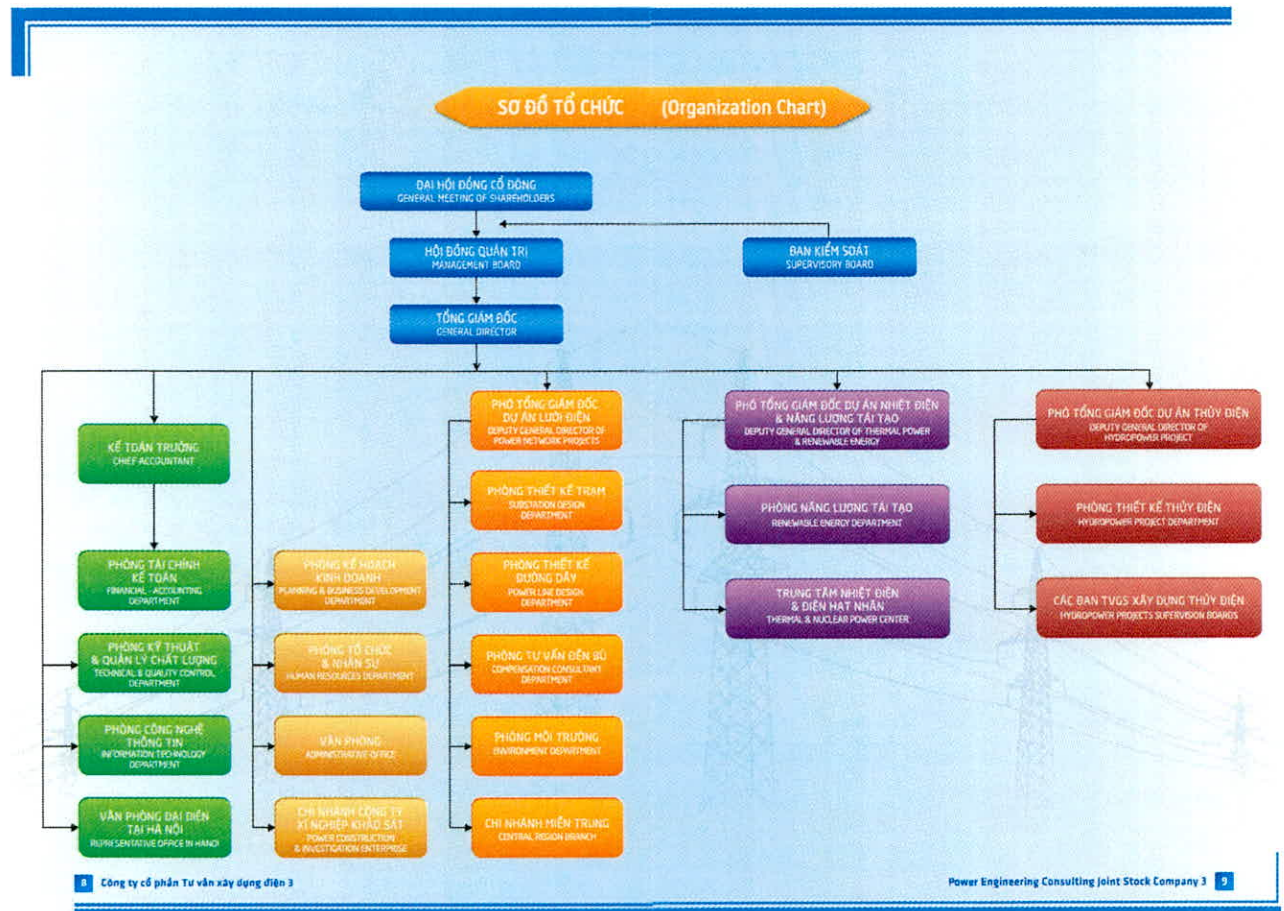
Địa chỉ: Đường 23 tháng 10 - Phường Vĩnh Hiệp - TP. Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện, nguồn và lưới điện) dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường. Lập tổng dự toán các công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nguồn và lưới điện, các công trình xây dựng dân dụng. Đo đạc khảo sát địa hình xây dựng công trình truyền tải điện. Thiết kế các công trình điện năng, công trình thủy lợi. Giám sát thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

+ Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 233 khách sạn Bình Minh, 27 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động: Thay mặt Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giao dịch với khách hàng.



Sơ đồ tổ chức Công ty

5. Định hướng phát triển.

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

+ Tầm nhìn: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 sẽ trở thành nhà cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng công trình năng lượng và công nghiệp uy tín, chuyên nghiệp tại Việt Nam và Khu vực.

+ Sứ mệnh: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 cung cấp giải pháp xây dựng hiệu quả và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp với đội ngũ có năng lực cao, tinh thần đồng đội, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

+ Giá trị cốt lõi:

- Chính trực – Tin cậy
- Chuyên nghiệp – sáng tạo – hiệu quả
- Học hỏi – phát triển
- Đoàn kết – hợp tác – thân thiện

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

+ Tăng trưởng doanh thu hợp lý. Nghiên cứu việc mở rộng thị trường ra các nước Lào và Cam Pu Chia.

+ Đa dạng loại hình dịch vụ cung cấp, đa dạng khách hàng. Tăng dần tỷ trọng khách hàng ngoài ngành, tăng mức nhận biết thương hiệu TV3 với các khách hàng ngoài ngành.

+ Tham gia thiết kế các công trình điện theo hình thức EPC.

+ Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp tư vấn trong ngành Điện nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh với các công ty tư vấn ngoài ngành và ngoài nước.

+ Áp dụng hiệu quả các hệ thống quản lý: phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng, quản lý dự án, quản lý tri thức. Phát triển năng lực đội ngũ, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ của người lao động trong. Từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

+ Tham gia góp vốn đầu tư vào các dự án thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện mặt trời

c) Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Để phát triển bền vững, công ty hướng đến việc thực hiện các mục tiêu và chương trình cụ thể sau

+ Phát triển danh mục sản phẩm dịch vụ mới trong đó tập trung vào các mảng: Nhiệt điện, lưới điện, năng lượng tái tạo và các công trình hạ tầng cơ sở và các công trình công nghiệp khác

+ Phát triển thị trường theo hướng tiếp tục chiếm lĩnh thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng sang thị phần khách hàng ngoài ngành năng lượng, đặc biệt chú ý đến các nhà đầu tư lớn cho các công trình công nghiệp. Các sản phẩm trọng

tâm được chuyển dịch tỷ trọng theo hướng tăng dần ở mảng năng lượng tái tạo, nhiệt điện và dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ. Đồng thời mở rộng thị trường sang các nước lân cận như Lào, Cam Pu Chia...

- + Nghiên cứu, hợp tác để cung cấp gói sản phẩm dịch vụ trọn gói.
- + Tiếp tục công tác tái cấu trúc nội bộ, trong đó trọng tâm là sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của công ty theo hướng hiện đại - tinh gọn - hiệu quả.
- + Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, nâng cao chất lượng quản lý doanh nghiệp thông qua các chương trình ứng dụng quy trình quản lý hiện đại, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên, người lao động ...
- + Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nêu cao tinh thần trách nhiệm, gắn liền chất lượng công việc với đãi ngộ để đảm bảo thu hút và giữ chân được người lao động giỏi.



6. Các rủi ro:

- Công tác quy hoạch phát triển điện có sự vênh nhau giữa quy hoạch phát triển điện quốc gia và quy hoạch điện ở các tỉnh. Việc này sẽ dẫn đến các rủi ro và khó khăn khi tham gia tư vấn cho các dự án.
- Công tác quy hoạch phát triển điện và quy hoạch sử dụng đất của các địa phương chưa đồng bộ, dẫn đến rủi ro trong công tác tư vấn, thiết kế các dự án cụ thể.

- Đơn giá, định mức, ... của nhà nước vẫn chưa được điều chỉnh cho phù hợp với thị trường, điều này sẽ dẫn đến những khó khăn và rủi ro cho doanh nghiệp tư vấn trong nước.
- Thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt với sự xuất hiện của rất nhiều các doanh nghiệp tư vấn ngoài ngành, tư vấn tư nhân và tư vấn nước ngoài.
- Một số thị trường truyền thống như thị trường tư vấn thủy điện đang giảm mạnh.
- Nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn ở phía trước sẽ dẫn đến những rủi ro tiềm tàng trong việc triển khai và thanh toán.
- Thủ tục đấu thầu tư vấn mất rất nhiều thời gian. Điều này tạo nên rủi ro lớn lên các đơn vị tư vấn vì khi ký xong hợp đồng thì thời gian thực hiện không còn nhiều nên gây ảnh hưởng tới tiến độ và chất lượng của công trình.
- Rủi ro trong công tác giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa, tranh chấp đất đai... dẫn đến rủi ro cho tiến độ thực hiện dự án.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2017.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2017 là năm cuối cùng trong việc hiện thực hóa chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giai đoạn 2013 – 2017, và hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2018 – 2022.

Bám sát vào các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của ngành điện nói chung, của Công ty nói riêng, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã nỗ lực không ngừng nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh được nâng cao và phát triển bền vững. Công ty tự tin triển khai thực hiện chiến lược giai đoạn 2018 – 2022 của Công ty đã được HĐQT phê duyệt.

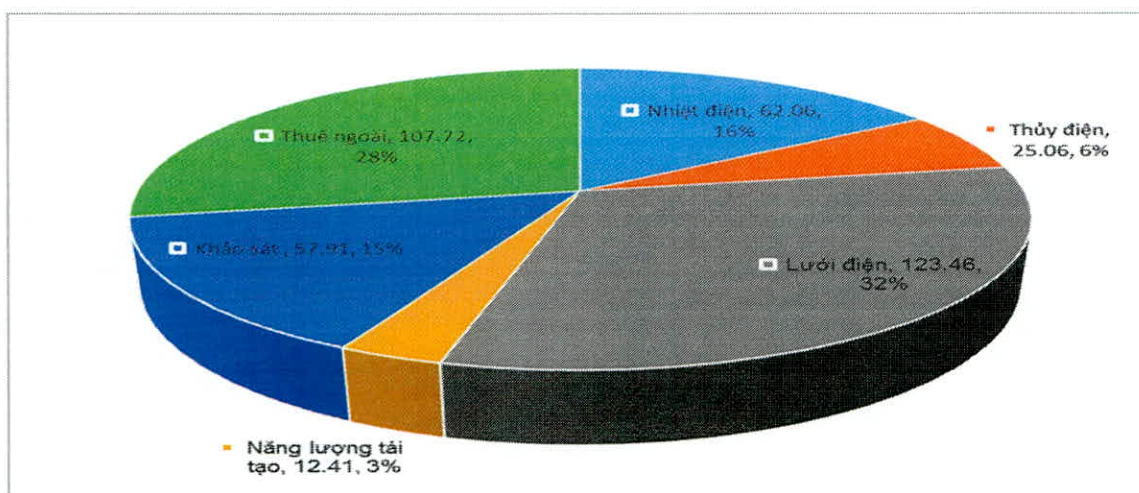
2. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2017:

- **Doanh thu thực hiện năm 2017 đạt: 388 351 triệu đồng đạt 112,5 % kế hoạch năm 2017.**

Trong đó doanh thu tự làm đạt: 290 622 triệu đồng đạt 108,7% kế hoạch năm 2017.

	Khối	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt kế hoạch	Tỷ trọng
1	Nhiệt điện	62.50	62.06	99.30%	15.97%
2	Thủy điện	26.04	25.06	96.24%	6.45%
3	Lưới điện	105.52	123.46	117.00%	31.77%
4	Năng lượng tái tạo	9.26	12.41	134.02%	3.19%
5	Khảo sát	53.56	57.91	108.12%	14.90%
6	Thuê ngoài - khác	88.43	107.72	121.81%	27.72%

	Tổng	345.31	388.62	112.54%	100.00%
--	-------------	---------------	---------------	----------------	----------------



- Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản:

Mua sắm tài sản: 8 000 triệu đồng đạt 95,2 % kế hoạch năm 2017.

3. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

a) Ông Thái Tuấn Tài: Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc;

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1962;

Nơi sinh: 870 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP Hồ Chí Minh;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật; chuyên ngành điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1987: Tốt nghiệp Kỹ sư điện, chuyên ngành Điện khí hóa và Tự động hóa khai thác mỏ tại trường Đại học Mỏ Mátxcova.

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp Lý luận chính trị - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh Khu vực II.

Quá trình công tác: 28 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Từ 2003 đến 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 4/2003: TP. Thiết kế trạm Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1997 đến 1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

Từ 1988 đến 1997: Nhân viên Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

b) Ông Tôn Thất Hùng: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc;

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1983: Tốt nghiệp Kỹ sư Điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng;

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Đà Nẵng.

Năm 2008: Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh Khu vực II.

Quá trình công tác: 32 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung - Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

c) Ông Nguyễn Trí Trinh - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1962;

Nơi sinh: Quảng Trị

Học vị: Tiến sỹ Công trình thủy

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1984: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành xây dựng thủy lợi - thủy điện tại Đại học Bách khoa Đà Nẵng

Năm 1998: Tốt nghiệp Thạc sỹ Thủy công tại Đại học Thủy lợi

Năm 2008: Tốt nghiệp tiến sỹ Công trình thủy tại Đại học Thủy lợi

Nhiều năm: Các lớp đào tạo Giám đốc điều hành; chủ nhiệm đồ án thiết kế; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế thủy lợi, thủy điện.

Từ 01/7/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2009 đến 06/2013: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế điện Miền Bắc - Phụ trách văn phòng đại diện tại Hà Nội - Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 8/2003 đến 2008: Phó Giám đốc trung tâm, Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ Tổng Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam;

Từ 2001 đến 7/2003: Trưởng phòng, Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 6/1993 đến 2000: Kỹ sư - Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 1990 đến 5/1993: Kỹ sư - Công ty xây dựng thủy lợi Đắk Lắk;

Từ 4/1984 đến 1989: Kỹ sư tư vấn giám sát, Ban kiến thiết Đá Bàn tỉnh Khánh Hòa.

d) Ông Trần Lê Minh - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 02 tháng 3 năm 1966

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Học vị: Kỹ sư điện. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1989: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Hệ thống điện tại Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh;

Thạc sỹ quản trị kinh doanh (năm 2010) do đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.

Nhiều năm: Các lớp đào tạo ngoại ngữ; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế điện, hệ thống điện

Từ 01/02/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 2009: TP. Dự án nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2003: Phó TP. Dự án Nguồn Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1990 đến 1999: Phòng Dự án Nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

e) Ông Phạm Hoàng Vinh: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

Sinh ngày: 26 tháng 10 năm 1971

Nơi sinh: TP Hồ Chí Minh

Học vị: Cử nhân kế toán.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 2017: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Năm 1995: Tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Nhiều năm: Các lớp đào tạo về tài chính; về quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm kế toán;

Từ 01/12/2007 đến nay: Trưởng phòng TCKT Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 2005 đến 2007: Trưởng Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2005: Phó Trưởng phòng TCKT Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1995 đến 1999: Nhân viên Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có thay đổi

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

+ Tổng số lao động tính đến 31 tháng 12 năm 2017 là: 497 người;

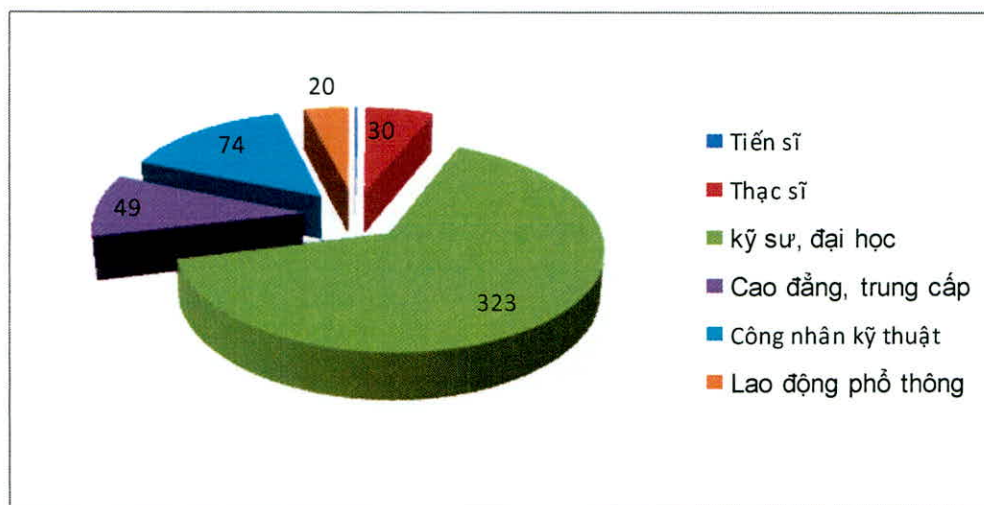
Công ty chúng tôi hiện có lực lượng lao động trẻ, trí thức và năng động với 497 cán bộ công nhân viên trong đó 81% có trình độ cao đẳng, trung cấp, đại học và trên đại học, cụ thể như sau:

- | | |
|-------------------------|-----------|
| - Tiến sĩ: | 01 người |
| - Thạc sĩ: | 30 người |
| - Kỹ sư và đại học, | 323 người |
| - Cao đẳng - Trung cấp: | 49 người |
| - Công nhân kỹ thuật: | 74 người |
| - Lao động phổ thông: | 20 người |

Lực lượng lao động của Công ty bao gồm nhiều chuyên ngành như: điện, xây dựng, kiến trúc, thủy công, năng lượng, cơ khí, trắc địa, địa chất, thủy văn, kinh tế, tài chính, luật, tin học, môi trường ... được đào tạo từ các trường đại học trong và ngoài nước.

Công ty đã quan tâm trang bị các phương tiện làm việc hiện đại cho người lao động đồng thời luôn cập nhật các tiêu chuẩn chuyên ngành của Việt Nam và quốc tế.

BIỂU ĐỒ NHÂN SỰ



- + Đối với người lao động, Công ty áp dụng các chế độ, chính sách trả lương thưởng và phúc lợi theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời áp dụng hệ thống trả lương 3P để khuyến khích người lao động làm việc tích cực hơn, góp phần tăng năng suất lao động và hiệu quả cho doanh nghiệp.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a. Tình hình đầu tư: anh Vinh cập nhật dùm

- Năm 2017, Công ty không thực hiện đầu tư tài chính.

b. Tình hình thực hiện dự án:

i. Nhiệt điện:

- Dự án Nhiệt điện Duyên Hải 3 (2x600MW): TVGS & QL hợp đồng EPC - vận hành thương mại tháng 3-2017..
- Thực hiện công tác tư vấn đấu thầu mua than (lập HSMT, đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng) cho dự án NMNĐ Duyên Hải 3.
- Tư vấn chính đấu thầu – lập HSMT, đánh giá HS dự thầu và thương thảo hợp đồng EPC dự án NMNĐ Quảng Trạch 1 (2x600MW).
- Tư vấn lập TKKT dự án NMNĐ Duyên Hải 3 mở rộng (1x600MW).
- TVGS & QL hợp đồng EPC Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 (2x600MW), phát điện TM1 – 2017 và TM2 – 2018.
- TVGS&QL hợp đồng EPC Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng (1x600MW) dự kiến vận hành 2019.
- BCNCKT và BCNCTKT dự án nhà máy nhiệt điện Ô Môn IV (1050 MW).
- Xúc tiến công tác đấu thầu tìm kiếm hợp đồng các công tác tư vấn nhà máy nhiệt điện.

ii. Thủy điện:

- TVGS thủy điện Đa Nhim Mở Rộng 80MW dự kiến phát điện 2018.
- TVGS thủy điện Bắc Mê – Hà Giang 45MW phát điện năm 2017.
- TVGS thủy điện Đa Dâng dự kiến phát điện 2018.
- TVGS thủy điện Xêkaman 1 & Xanxay 280 MW hoàn thành năm 2017.
- Hoàn thành TKBVTC Dự án thủy điện Sông Bung 2. Thiết kế xử lý sự cố hầm dẫn dòng và tích nước hồ chứa thành công vào tháng 9/2017, đây là nỗ lực rất đáng ghi nhận của Phòng Thủy điện Công ty.
- TKBVTC Thủy điện ALIN 3 tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Quan trắc chuyển vị công trình các thủy điện: Đa Nhim – Sông Pha; Trị An; Srêpok; Buôn Tuasar; Buôn Kuốp đã hoàn thành trong năm 2017.
- Xúc tiến công tác đấu thầu, tìm kiếm hợp đồng các công việc thủy điện như: quan trắc chuyển dịch công trình, lập phương án phòng chống lũ lụt hạ du, kiểm tra và chứng nhận an toàn các đập thủy điện ...

iii. Lưới điện:

- Hoàn thành BCNCKT Đường dây 500kV Dốc Sỏi – Pleiku 2; BCNCKT – ĐTM Đường dây 500KV Chơn Thành – Đức Hòa; Đường dây 500KV Long Thành-rẽ Phú Mỹ-Sông Mỹ;
- Hoàn thành TKKT-TDT, TKBVTC Đường dây 500KV Sông Hậu – Đức Hòa; TKKT-TDT Đường dây 500kV đầu nối NM nhiệt điện Nghi Sơn 2 vào HTĐ Quốc gia.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 500KV Long Thành; TBA 500KV Thanh Hóa.
- Hoàn thành TKKT-TDT TBA 500KV Chơn Thành
- Hoàn thành TKBVTC Trạm biến áp 500KV Đức Hòa; Trạm 500kV Tân Uyên và đầu nối.
- Đóng điện đưa vào vận hành công trình NCS TBA 500kV Ô Môn.
- Hoàn thành BCNCKT Đường dây 220KV Chơn Thành- Bến Cát.
- Hoàn thành TKKT-TDT đường dây 220KV Bình Long-Tây Ninh.
- Hoàn thành TKBVTC các dự án cải tạo nâng cấp đường dây 220kV Cai Lậy – Cao Lãnh; nâng cấp đường dây 220kV Cao Lãnh-Thốt Nốt.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 220kV Buôn Kuốp – máy 2; TBA 220kV Đức Trọng – máy 2; TBA 220kV Châu Đức.
- Hoàn thành BCNCKT và TKBVTC TBA 220kV TP. Nhơn Trạch – máy 2; TBA 220kV Tân Thành – máy 3; NCS TBA 220kV Trà Vinh; NCS TBA 220kV Cà Mau; Lắp đặt các ngăn lộ 110kV TBA 220kV Bến Tre; TBA 220kV Xuân Lộc – máy 2, TBA 220kV Tây Ninh.
- Hoàn thành và TKBVTC các dự án TBA 220kV Quảng Ngãi - Máy 2, TBA 220kV Bắc Ninh 2 – máy 2.

- Đóng điện công trình Lưới điện 220kV đấu nối NM điện phân nhôm Đắk Nông; công trình ĐD 220kV Tân Uyên - Thuận An; TBA 220kV Quận 8; TBA 220kV Long Xuyên.
- Đóng điện công trình Nâng công suất TBA 220kV Bình Long ngày 28/07/2017.
- Hoàn thành công tác thẩm tra TKCS, BCNCKT, TKKT hàng chục các dự án lưới điện 500kV-220kV-110kV.
- Hoàn thành các công tác tư vấn ĐTXD các giai đoạn cho hàng chục đường dây và trạm 110kV.

iv. Quy hoạch phát triển điện lực các tỉnh:

- Hoàn thành và được phê duyệt các đề án Quy hoạch phát triển Điện lực các tỉnh Kiên Giang, tỉnh Bình Dương, thành phố Đà Nẵng; Đắk Lắk;
- Hoàn thành được BCT thẩm định và sẽ phê duyệt trong quý I-2018 các đề án Quy hoạch phát triển Điện lực các tỉnh Long An, TP Cần Thơ và tỉnh Ninh Thuận.
- Hoàn thành và các tỉnh đã trình BCT các đề án Quy hoạch phát triển Điện lực các tỉnh Hậu Giang và An Giang.
- Các đề án Quy hoạch phát triển Điện lực còn lại đã hoàn tất và trình hồ sơ cho Khách hàng theo đúng điều khoản hợp đồng.

v. Năng lượng tái tạo và môi trường:

- Hoàn thành BSQH và BCNCKT NMD mặt trời Sao Mai (210MW);
- Hoàn thành BSQH NMD mặt trời Trị An (126MW); NMD mặt trời tại hồ Dầu Tiếng (2000MW); NMD mặt trời Cư Jút (50MW). NMD mặt trời Srepok 1 (50MW) NMD mặt trời Phước Hữu-Điện lực 1 (30 MW).
- Hoàn thành BCNCKT dự án NMD gió Đầm Nại GD1 (6MW), dự án NMD gió Lợi Hải 2 (28,875MW).
- Đang thực hiện các công tác lập BSQH, lập BCNCKT trong năm 2017 hàng chục dự án như:
 - BSQH NMD mặt trời Bình Thuận (86MW); NMD mặt trời GAIA (100MW), NMD mặt trời Hoàn Cầu (50MW), NMD mặt trời Băng Dương (40MW); NMD gió B&T (200MW); NMD gió Đầm Nại giai đoạn 3-4 (50MW).
 - Lập BCNCKT NMD mặt trời Phú Lạc, (50MW), NMD Phước Hữu-Điện lực 1, (30,24MW), NMD gió Đầm Nại giai đoạn 2 (34MW), NMD mặt trời Sonadezi Châu Đức (70MW)...
- Hoàn thành nhiều báo cáo ĐTM cho các dự án nguồn và lưới điện. Đặc biệt, Công ty trúng thầu hợp đồng lập ĐTM cho dự án CSHT Khu du lịch Vĩnh Hy, Ninh Thuận, đây được xem là sản phẩm mới và khách hàng mới của Công ty.

c. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính.

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm/ %
<i>Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	259.462	276.322	106,50%
Doanh thu thuần	306.882	400.018	130,35%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/	15.581	17.691	113,54%
Lợi nhuận khác	719	85	-88,18%
Lợi nhuận trước thuế	16.299	17.776	109,06%
Lợi nhuận sau thuế	12.897	13.961	108,25%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,20	1,26	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho /</u> Nợ ngắn hạn	1,01	1,08	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,66	0,65	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,99	1,84	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			

Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7,61	9,73	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,18	1,45	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,2%	3,5%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14,81%	14,34%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,97%	5,05%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,08%	4,42%	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần 4.868.427 cổ phần trong đó có 14 cổ phiếu quỹ số còn lại là cổ phần được chuyển nhượng tự do

Danh sách người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam

- Thái Tuấn Tài: 29.27%
- Tôn Thất Hùng: 19.51%

b- Cơ cấu cổ đông:

(Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 1256/2017-TV3/VSD-ĐK ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

- Vốn điều lệ công ty: 48.684.270.000 đồng
- Vốn nhà nước (EVN): 23.747.850.000 đồng
- Vốn cá nhân trong nước: 15.810.180.000 đồng
- Vốn tổ chức trong nước: 31.689.720.000 đồng

- Vốn nước ngoài (cá nhân)

Họ tên	Số ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng CP
Ishizuka Yosuke	IS 0617	Kanagawa-ken, Yokohama-shi, Kohoku-ku Hiyoshi- Hocho 6-31-2-103	Japan	165
Yamazaki Atsushi	IS 0469	Nomura house, 1 St Martin's -le - Grand, London EC1A 4NP	Japan	144

- Vốn nước ngoài (tập thể)

Họ tên	Số ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng CP
America LLC	CA5883	165 Ongi, Yotsukaido-si, Chiba- Ken, Japan	St Kitts and Nevis	118.128

- Cổ đông lớn:

- + Công ty cổ phần đầu tư Toàn Việt: 332.152 cổ phần
- + Tập đoàn điện lực Việt Nam: 2.374.785 cổ phần
- + Ông Trần Quốc Điền: 249.255 cổ phần

c- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng từ 40.571.640.000 đồng lên 48.684.270.000 đồng. Do Công ty đã trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%.

d- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e- Các chứng khoán khác: Không có.

7. Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội:

a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng các công trình điện. Các sản phẩm của Công ty là các sản phẩm mang yếu tố trí tuệ cao trong đó tỷ lệ hàm lượng tiêu tốn nguyên vật liệu để sản xuất và đóng gói là rất nhỏ.

b) Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện năng với phụ tải chủ yếu là các thiết bị phục vụ cho công tác của Văn phòng như chiếu sáng, máy điều hòa không khí và các thiết bị văn phòng.

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Công ty đã tiến hành lắp đặt đồng hồ đo đếm điện đến từng đơn vị sản xuất từ đó đã tăng cường công tác quản lý lượng điện năng tiêu thụ, góp phần quan trọng vào mục tiêu tiết kiệm điện năng tiêu thụ trong toàn Công ty.

c) Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn nước được cung cấp từ Công ty cấp nước thành phố Hồ Chí Minh, lượng nước trung bình tiêu thụ hàng năm là khoảng 1.200 m³. Lượng nước này chủ yếu được sử dụng cho các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của toàn bộ các nhân viên trong công ty.

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Công ty không sử dụng nguồn nước cho mục tiêu sản xuất, lượng nước tiêu chủ yếu cho sinh hoạt do đó không có nước được tái sử dụng

d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và pháp luật về bảo vệ môi trường, các đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng đều đánh giá cao ý thức chấp hành pháp luật và quy định về môi trường của Công ty.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không bị phạt

8. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số người lao động tính đến 31/12/2017: 497 người

- Mức lương trung bình của NLĐ năm 2017: 17.967.000đ/ người

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Công ty đã xây dựng nội quy về an toàn vệ sinh lao động với đầy đủ các nội dung quy định và được treo ở nơi làm việc.

- Tổ chức đo đạc, giám sát môi trường làm việc vào ngày 14/4/2017 (bao gồm: vi khí hậu, bụi, tiếng ồn, rung, ánh sáng, hơi khí độc...). Kết quả 242/252 số mẫu đạt tiêu chuẩn vệ sinh lao động cho phép, các vị trí làm việc chưa đạt chuẩn đã được tu bổ ngay. Kết quả đo kiểm lại các mẫu được tu bổ vào ngày 17/5/2017 cho thấy tất cả đã đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.
- Công ty đã trang bị tủ thuốc và dụng cụ cấp cứu, phác đồ cấp cứu đầy đủ tại nơi làm việc của NLĐ. Trang bị túi cấp cứu cho các đội công tác ở công trường. Mặc dù Công ty không thuộc đơn vị trực tiếp sản xuất nhưng cũng xây dựng phương án cấp cứu tại chỗ và tổ chức tập huấn cho tất cả các đối tượng có mặt tại trụ sở Công ty.
- Ngày 07 đến 19/9/2017 Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 477/494 người lao động được yêu cầu khám, đạt tỷ lệ khám đạt 96,5%, tổng chi phí: 402.048.000 đồng.
- Đã triển khai thực hiện chế độ nghỉ dưỡng sức phục hồi chức năng lao động cho 18 NLĐ có sức khỏe loại 4, 5 và yếu với chi phí 20.952.000 đồng.
- Đối với NLĐ mắc bệnh mãn tính, đơn vị đã thông báo tình trạng sức khỏe đến từng cá nhân và yêu cầu định kỳ phối hợp với y tế cơ quan trong việc theo dõi tình hình bệnh lý cũng như phương pháp điều trị nhằm ổn định bệnh và nâng cao sức khỏe của NLĐ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Năm 2017, Lãnh đạo Công ty đặt mục tiêu tăng cường đào tạo cán bộ quản lý về quản trị và kỹ năng mềm để làm tốt công tác quản lý; đào tạo kỹ năng mềm cho người lao động nhằm nâng cao chất lượng công tác tư vấn.
- Trong năm 2017 đã thực hiện 78 chương trình gồm đào tạo kỹ năng, bổ sung kiến thức chuyên môn và quản lý. Tổng số lượt người được đào tạo là 1055 người. Chi tiết dưới đây:

TT	Chương trình, nội dung đào tạo	Số lượt người được đào tạo	Số giờ đào tạo bq/người (giờ)
I	Đào tạo thường xuyên (Các khóa kỹ năng dành cho nhân viên các phòng nghiệp vụ)	1317	8
II	Đào tạo theo chuyên đề (Dành cho nhân viên trực tiếp và cán bộ quản lý)	502	16
1	Năng lượng tái tạo (dành cho nhân viên)	30	20
2	Điện (dành cho nhân viên)	218	24
3	Kỹ thuật xây dựng (dành cho nhân viên)	88	36

4	Đào tạo về Quản lý (dành cho CB quản lý và cán bộ điện quy hoạch)	166	40
	Tổng cộng	1819	

- Ngoài việc tổ chức đào tạo bên ngoài, Công ty đã tổ chức đào nội bộ tại các phòng, ban, chi nhánh. Với hình thức này, các trưởng đơn vị đào tạo cho nhân viên, người đi trước hướng dẫn kèm cặp cho người đi sau. Năm 2017, toàn Công ty thực hiện 52 chương trình & chuyên đề đào tạo, tổng số lượt người được đào tạo là 797 lượt người.

9. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động tham gia, quyên góp ủng hộ: Hai lần hưởng ứng kêu gọi của EVN phát động về góp Quỹ Tương trợ xã hội, mỗi lao động của Công ty đã đóng góp 02 ngày lương ủng hộ quỹ tương trợ xã hội (Ủng hộ huyện nghèo của tỉnh Lai Châu theo NQ-30/BCT và ủng hộ nhân dân các tỉnh Miền Trung bị ảnh hưởng thiên tai).

Số tiền tham gia, quyên góp ủng hộ là 52,5 triệu đồng cho Quỹ ủng hộ huyện Than Uyên, Lai Châu và 17 triệu đồng cho Quỹ Tấm Lòng Vàng Lao động, hỗ trợ nhân dân các tỉnh miền Trung bị thiệt hại do cơn bão số 10.

Ngoài ra, Công đoàn Công ty đã trích Quỹ ủng hộ 70 NLĐ của Công ty ở các tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa có nhà cửa, hoa màu bị thiệt hại do cơn bão số 12 xảy ra ngày 04/11. Tổng số tiền ủng hộ là 90.000.000đ.

Ủng hộ chương trình đi bộ “Vì nạn nhân chất độc màu da cam và người khuyết tật nghèo năm 2017” do Hội chữ Thập đỏ Tp.HCM phối hợp với Đài truyền hình VN và Công ty CP Phát triển Truyền thông Việt Nam tổ chức với số tiền 3.000.000 đ.

Ủng hộ Quỹ phòng chống thiên tai và quỹ vì người nghèo năm 2017 trên địa bàn xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh số tiền là 3.000.000đ.

Ủng hộ kinh phí tổ chức chiến dịch tình nguyện Kỳ nghỉ hồng cấp Khối Bộ Công thương năm 2017 trên địa bàn xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước với số tiền là 3.000.000đ.

Ủng hộ địa phương nơi đơn vị đóng trụ sở 3.000.000đ góp phần chăm lo Tết cho các gia đình chính sách, hộ cận nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn.

Hưởng ứng “Tuần Lễ Hồng EVN” do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phát động, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 (PECC3) đã phát động chương trình hiến máu “Tuần lễ hồng EVN tại PECC3” với tinh thần "Một giọt máu cho đi, một cuộc đời ở lại". Tổ chức Hiến máu nhân đạo vào ngày 15/8/2017. Tổng cộng có gần 40 CB-CNVC lao động đã tham gia hiến máu nhân đạo.

Hỗ trợ đoàn viên công đoàn xây dựng nhà theo Chương trình Mái ấm Công đoàn: Hỗ trợ 85 triệu đồng cho 02 đoàn viên là anh Lê Hoàng Bảo – công nhân lái xe; và ĐVCD Nguyễn Đình Học – phòng Tư vấn Đèn Bù. Số tiền trên đã thực sự có tác dụng động viên giúp đỡ ĐVCD có điều kiện ổn định cuộc sống, vượt qua khó khăn.



Đại diện Công ty trao tặng Quỹ học bổng Vũ A Dính.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong năm 2017, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 thực hiện nhiệm vụ kế hoạch trong tình hình kinh tế trong nước được phục hồi. Các dự án lớn đã huy động được nguồn vốn để triển khai. Đặc biệt là các dự án trong đề án điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2010-2020 có xét đến 2030 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định 428 QĐ-TTg ngày 18/3/2016, các dự án năng lượng có cơ sở triển khai mạnh mẽ.
- Tình hình đầu tư vào các dự án nguồn điện của các chủ đầu tư ngoài ngành bắt đầu khởi động lại, các dự án của EVN thì triển khai cấp bách, đã khởi công nhiều dự án để đảm bảo nhiệm vụ cung ứng đủ năng lượng điện cho Miền Nam giai đoạn 2018-2020.
- Năm 2017 là năm cuối cùng trong việc hiện thực hóa chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giai đoạn 2013 – 2017, và hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn

2018 – 2022. Đối với ngành Điện lực Việt Nam, năm 2017 là năm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, năm đầu thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch 5 năm (2016 – 2020). Với mục tiêu đảm bảo cung ứng đủ điện cho phát triển kinh tế xã hội của đất nước và đời sống nhân dân; thực hiện các nhiệm vụ xây dựng thị trường điện bán buôn; chủ trương nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tiếp tục quá trình tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động....

- Bám sát vào các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của ngành điện nói chung, của Công ty nói riêng, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã nỗ lực không ngừng nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh được nâng cao và phát triển bền vững. Công ty tự tin triển khai thực hiện chiến lược giai đoạn 2018 – 2022 của Công ty đã được HĐQT phê duyệt.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2017:

- Doanh thu thực hiện năm 2017 đạt: 388 351 triệu đồng đạt 112,5 % kế hoạch năm 2017.
Trong đó doanh thu tự làm đạt: 290 622 triệu đồng đạt 108,7% kế hoạch năm 2017.

	Khối	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt kế hoạch	Tỷ trọng
1	Nhiệt điện	62.50	62.06	99.30%	15.97%
2	Thủy điện	26.04	25.06	96.24%	6.45%
3	Lưới điện	105.52	123.46	117.00%	31.77%
4	Năng lượng tái tạo	9.26	12.41	134.02%	3.19%
5	Khảo sát	53.56	57.91	108.12%	14.90%
6	Thuê ngoài - khác	88.43	107.72	121.81%	27.72%
	Tổng	345.31	388.62	112.54%	100.00%

- Mua sắm tài sản, đầu tư khác và Đầu tư tài chính năm 2017 thực hiện như sau:

	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt kế hoạch
1	Mua sắm tài sản	8.47	8.00	95.20%
2	Đầu tư khác	2.00	0	0%
3	Đầu tư tài chính	5.00	0	0%

3. Tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Nhiệt điện:



Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1 – Thanh Hóa

- Dự án Nhiệt điện Duyên Hải 3 (2x600MW): TVGS&QL hợp đồng EPC - vận hành thương mại tháng 3-2017..
- Thực hiện công tác tư vấn đấu thầu mua than (lập HSMT, đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng) cho dự án NMNĐ Duyên Hải 3.
- Tư vấn chính đấu thầu – lập HSMT, đánh giá HS dự thầu và thương thảo hợp đồng EPC dự án NMNĐ Quảng Trạch 1 (2x600MW).
- Tư vấn lập TKKT dự án NMNĐ Duyên Hải 3 mở rộng (1x600MW).
- TVGS&QL hợp đồng EPC Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 (2x600MW), phát điện TM1 – 2017 và TM2 – 2018.
- TVGS&QL hợp đồng EPC Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng (1x600MW) dự kiến vận hành 2019.
- BCNCKT và BCNCTKT dự án nhà máy nhiệt điện Ô Môn IV (1050 MW).
- Xúc tiến công tác đấu thầu tìm kiếm hợp đồng các công tác tư vấn nhà máy nhiệt điện.

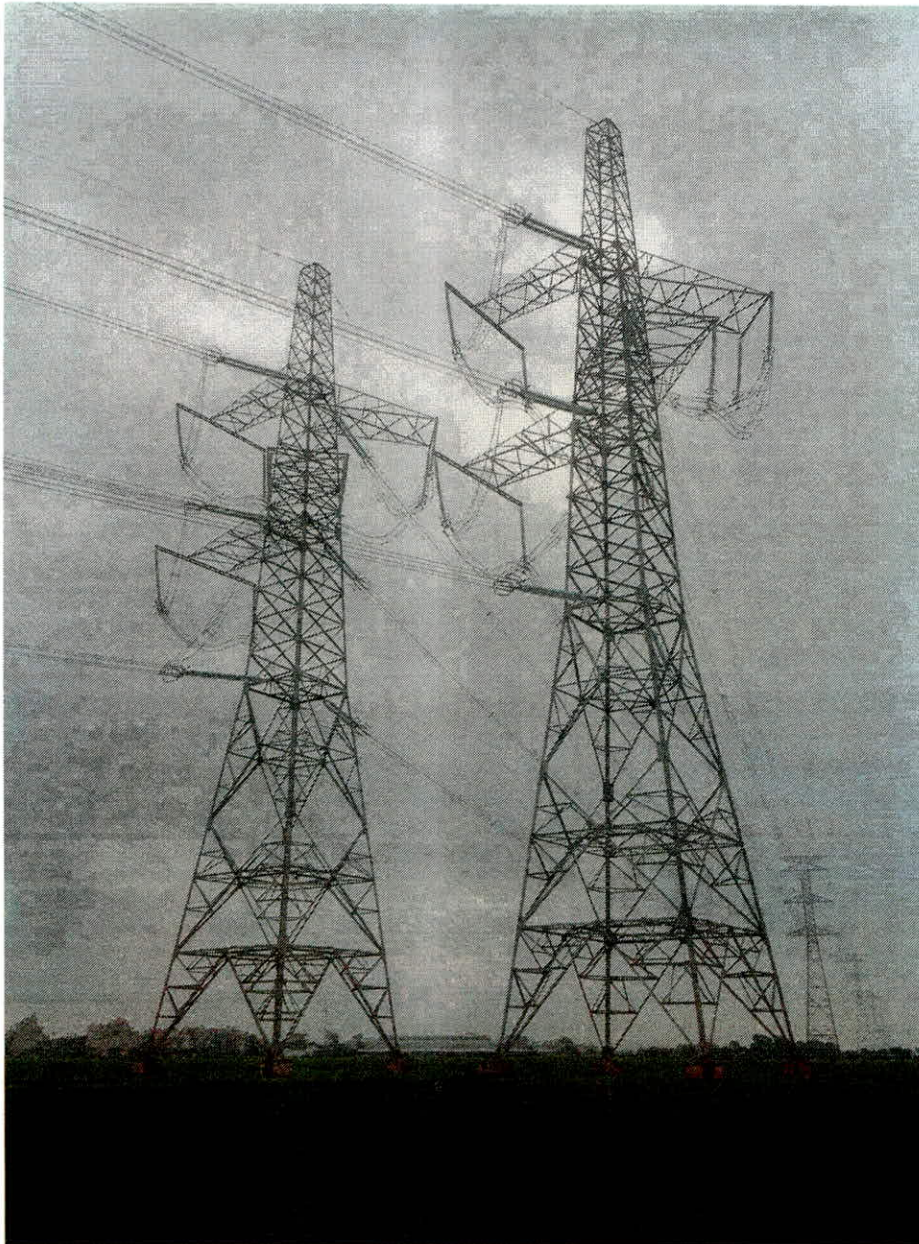
3.2. Thủy điện:



Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5

- TVGS thủy điện Đa Nhim Mở Rộng 80MW.
- TVGS thủy điện Bắc Mê – Hà Giang 45MW phát điện năm 2017.
- TVGS thủy điện Đa Dâng dự kiến phát điện 2018.
- TVGS thủy điện Xêkaman 1 & Xanxay 280 MW hoàn thành năm 2017.
- Hoàn thành TKBVTC Dự án thủy điện Sông Bung 2. Thiết kế xử lý sự cố hầm dẫn dòng và tích nước hồ chứa thành công vào tháng 9/2017, đây là nỗ lực rất đáng ghi nhận của Phòng Thủy điện Công ty.
- TKBVTC Thủy điện ALIN 3 tỉnh Thừa Thiên Huế
- Quan trắc chuyên vị công trình các thủy điện: Đa Nhim – Sông Pha; Trị An; Srêpok; Buôn Tuasar; Buôn Kuốp đã hoàn thành trong năm 2017.
- Xúc tiến công tác đấu thầu, tìm kiếm hợp đồng các công việc thủy điện như: quan trắc chuyên dịch công trình, lập phương án phòng chống lũ lụt hạ du, kiểm tra và chứng nhận an toàn các đập thủy điện ...

3.3. Lưới điện:



Đường dây 500 KV Quảng Ninh - Hiệp Hòa

- Hoàn thành BCNCKT Đường dây 500kV Dốc Sỏi – Pleiku 2; BCNCKT – ĐTM Đường dây 500KV Chơn Thành – Đức Hòa; Đường dây 500KV Long Thành-rẽ Phú Mỹ-Sông Mỹ;
- Hoàn thành TKKT-TDT, TKBVTC Đường dây 500KV Sông Hậu – Đức Hòa; TKKT-TDT Đường dây 500kV đấu nối NM nhiệt điện Nghi Sơn 2 vào HTĐ Quốc gia.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 500KV Long Thành; TBA 500KV Thanh Hóa.
- Hoàn thành TKKT-TDT TBA 500KV Chơn Thành
- Hoàn thành TKBVTC Trạm biến áp 500KV Đức Hòa; Trạm 500kV Tân Uyên và đấu nối.
- Đóng điện đưa vào vận hành công trình NCS TBA 500kV Ô Môn.

- Hoàn thành BCNCKT Đường dây 220KV Chợ Thành- Bến Cát;
- Hoàn thành TKKT-TDT đường dây 220KV Bình Long-Tây Ninh;
- Hoàn thành TKBVTC các dự án cải tạo nâng cấp đường dây 220kV Cai Lậy – Cao Lãnh; nâng cấp đường dây 220kV Cao Lãnh-Thốt Nốt.
- Hoàn thành BCNCKT TBA 220kV Buôn Kuốp – máy 2; TBA 220kV Đức Trọng – máy 2; TBA 220kV Châu Đức;
- Hoàn thành BCNCKT và TKBVTC TBA 220kV TP. Nhơn Trạch – máy 2; TBA 220kV Tân Thành – máy 3; NCS TBA 220kV Trà Vinh; NCS TBA 220kV Cà Mau; Lắp đặt các ngăn lộ 110kV TBA 220kV Bến Tre; TBA 220kV Xuân Lộc – máy 2, TBA 220kV Tây Ninh.
- Hoàn thành và TKBVTC các dự án TBA 220kV Quảng Ngãi - Máy 2, TBA 220kV Bắc Ninh 2 – máy 2.
- Đóng điện công trình Lưới điện 220kV đầu nối NM điện phân nhôm Đắk Nông; công trình ĐD 220kV Tân Uyên - Thuận An; TBA 220kV Quận 8; TBA 220kV Long Xuyên;
- Đóng điện công trình Nâng công suất TBA 220kV Bình Long ngày 28/07/2017.
- Hoàn thành công tác thẩm tra TKCS, BCNCKT, TKKT hàng chục các dự án lưới điện 500kV-220kV-110kV.
- Hoàn thành các công tác tư vấn ĐTXD các giai đoạn cho hàng chục đường dây và trạm 110kV.

3.4. Quy hoạch phát triển điện lực các tỉnh

- Hoàn thành và được phê duyệt các đề án Quy hoạch phát triển Điện lực các tỉnh Kiên Giang, tỉnh Bình Dương, thành phố Đà Nẵng; Đắk Lắk;
- Hoàn thành được BCT thẩm định và sẽ phê duyệt trong quý I-2018 các đề án Quy hoạch phát triển Điện lực các tỉnh Long An, TP Cần Thơ và tỉnh Ninh Thuận.
- Hoàn thành và các tỉnh đã trình BCT các đề án Quy hoạch phát triển Điện lực các tỉnh Hậu Giang và An Giang.
- Các đề án Quy hoạch phát triển Điện lực còn lại đã hoàn tất và trình hồ sơ cho Khách hàng theo đúng điều khoản hợp đồng.

3.5. Năng lượng tái tạo:



Nhà máy điện gió Phú Lạc – Tỉnh Bình Thuận

- Hoàn thành BSQH và BCNCKT NMD mặt trời Sao Mai (210MW);
- Hoàn thành BSQH NMD mặt trời Trị An (126MW); NMD mặt trời tại hồ Dầu Tiếng (2000MW); NMD mặt trời Cư Jút (50MW). NMD mặt trời Srepok 1 (50MW) NMD mặt trời Phước Hữu-Điện lực 1 (30 MW).
- Hoàn thành BCNCKT dự án NMD gió Đầm Nại GĐ1 (6MW), dự án NMD gió Lợi Hải 2 (28,875MW).
- Đang thực hiện các công tác lập BSQH, lập BCNCKT trong năm 2017 hàng chục dự án như:
 - BSQH NMD mặt trời Bình Thuận (86MW); NMD mặt trời GAIA (100MW), NMD mặt trời Hoàn Cầu (50MW), NMD mặt trời Băng Dương (40MW); NMD gió B&T (200MW); NMD gió Đầm Nại giai đoạn 3-4 (50MW).
 - Lập BCNCKT NMD mặt trời Phú Lạc, (50MW), NMD Phước Hữu-Điện lực 1, (30,24MW), NMD gió Đầm Nại giai đoạn 2 (34MW), NMD mặt trời Sonadezi Châu Đức (70MW)...
- Hoàn thành nhiều báo cáo ĐTM cho các dự án nguồn và lưới điện. Đặc biệt, Công ty trúng thầu hợp đồng lập ĐTM cho dự án CSHT Khu du lịch Vĩnh Hy, Ninh Thuận, đây được xem là sản phẩm mới và khách hàng mới của Công ty.

4. Tình hình tài chính

Bảng cân đối kế toán:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch so với năm trước
I Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	207.382.382.520	225.168.581.082	17.786.198.562
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	79.420.409.305	104.218.416.418	24.798.007.113
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	817.090.000	13.896.190.000	13.079.100.000
3. Các khoản phải thu	130-BCĐKT	94.186.059.111	74.567.387.945	(19.618.671.166)
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		(7.132.262.727)	(8.171.012.471)	(1.038.749.744)
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	32.823.111.492	32.238.049.027	(585.062.465)
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	135.712.612	248.537.692	112.825.080
II Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	52.079.861.720	51.153.455.019	(926.406.701)
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	153.000.000	153.000.000	
2. Tài sản cố định:	220-BCĐKT	29.818.962.463	32.226.778.971	2.407.816.508
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>221-BCĐKT</i>	<i>19.965.552.385</i>	<i>20.434.109.245</i>	<i>468.556.860</i>
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>224-BCĐKT</i>			
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>227-BCĐKT</i>	<i>9.853.410.078</i>	<i>11.792.669.726</i>	<i>1.939.259.648</i>
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240-BCĐKT	311.190.280	-	(311.190.280)
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	19.450.000.000	16.421.080.349	(3.028.919.651)
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	2.346.708.977	2.352.595.699	5.886.722
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	172.371.348.955	178.983.897.283	6.612.548.328
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	172.371.348.955	178.983.897.283	6.612.548.328
Trong đó : Nợ quá hạn				
2. Nợ dài hạn	320-BCĐKT			
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	87.090.895.285	97.338.138.818	10.247.243.533
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	87.090.895.285	97.338.138.818	10.247.243.533
<i>Trong đó: vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>411-BCĐKT</i>	<i>40.571.640.000</i>	<i>48.684.270.000</i>	<i>8.112.630.000</i>
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT	0	0	

a) Tình hình tài sản

Tài sản của Công ty biến động tăng 6,5% so với năm trước chủ yếu là vốn bằng tiền và tương đương tiền tăng. Bên cạnh đó khoản phải thu ngắn hạn năm nay giảm so với năm trước cũng như đầu tư mua sắm tài sản cố định nhiều hơn. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay tăng so với năm trước do hiệu quả sử dụng tài sản năm nay tốt hơn.

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả năm nay cao hơn so với năm trước chủ yếu là khoản phải trả người bán tăng. Tỷ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu năm nay là 1,84 cùng với khả

năng thanh toán nợ ngắn hạn >1 đã đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn rất tốt của Công ty.

5. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

5.1. Tổ chức quản lý theo mục tiêu:

- Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả của các công cụ được phát triển bởi dự án: “Cải tiến hệ thống quản lý và xây dựng hệ thống lương của Công ty”, định kỳ soát xét, điều chỉnh để đảm bảo phù hợp, nhất quán nhằm hướng tới thực hiện thắng lợi kế hoạch năm, hiện thực hóa Chiến lược của Công ty đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;
- Công ty đã triển khai đồng bộ hệ thống KPIs tới các cấp giúp kiểm soát đồng bộ các chỉ tiêu của Công ty đặt ra từ đầu năm, đồng thời giúp cho các cấp quản lý có kế hoạch, biện pháp hành động kịp thời nhằm đảm bảo mục tiêu cuối cùng là hoàn thành vượt mức kế hoạch năm, hiện thực hóa chiến lược Công ty giai đoạn 2013 – 2017;
- Tiếp tục duy trì chế độ thưởng/phạt áp dụng đối với cấp Trưởng phòng, Ban Giám đốc Chi nhánh, Trung tâm... với các tiêu chí cụ thể, rõ ràng... đây là một công cụ hữu ích để khuyến khích các cấp quản lý tổ chức điều hành hoạt động của đơn vị ngày một hiệu quả;
- Đối với cá nhân, năm 2016 Công ty áp dụng mô hình nêu gương điển hình xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh: định kỳ hàng quý lựa chọn các gương điển hình xuất sắc nhất trong số các tập thể xuất sắc của Công ty lên bảng danh dự, website Công ty và có chế độ thưởng xứng đáng đối với các cá nhân này. Thông qua hoạt động nêu gương điển hình, đã có tác dụng tích cực đến toàn thể người lao động, qua đó mọi thành viên đều luôn nỗ lực hết mình để hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.
- Bên cạnh đó, Công ty đã rà soát, hiệu chỉnh các quy chế quy định liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty thực hiện theo đúng các văn bản hiện hành của cấp trên và phù hợp với công cụ quản lý, đáp ứng kỳ vọng của Công ty.
- Với phiên bản ISO 9001:2008, Công ty đã chủ động tìm hiểu, rà soát, hiệu chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện để tiến tới chuyển đổi thành công sang phiên bản mới ISO 9001:2015.

5.2. Công tác nâng cao năng lực quản trị:

- Năm 2016, Công ty đã thiết lập mục tiêu “nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực quản lý. Quản trị tri thức và nâng cao tinh thần đồng đội”, đây là một trong 4 nội dung của mục tiêu chất lượng năm 2016 và là một trong các tiêu chí quan trọng trong hệ thống mục tiêu (BSC) năm 2016 của Công ty.

- Bằng việc thiết lập và giao chỉ tiêu trong hệ thống mục tiêu năm 2016, Công ty đã xác định tập trung nâng cao trình độ và kiến thức chuyên môn cho CBCNV nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị trong năm 2016 và hướng tới hoàn thành chiến lược Công ty giai đoạn 2013 – 2017 về đào tạo đội ngũ chủ nhiệm/chủ trì các cấp nói riêng và các chỉ tiêu phát triển Công ty nói chung.
- Công ty đã thiết kế/cử tham dự các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tạo điều kiện để các cá nhân được tiếp cận công nghệ mới, tiên tiến để ứng dụng vào quá trình tư vấn và thiết kế dự án. Song song đó là việc chú trọng và đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ, đây là một trong các tiêu chí quan trọng trong BSC 2016, được thực hiện trên cơ sở phát huy tính hiệu quả của công tác này trong những năm qua.

5.3. Công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến:

- Công ty luôn tạo điều kiện và khuyến khích các cá nhân nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn. Cụ thể trong năm 2016, Công ty đã thực hiện được 15 đề tài nghiên cứu khoa học và trên 80 sáng kiến cải tiến đã được ứng dụng trong công việc.

5.4. Thực thi văn hóa doanh nghiệp và Quy tắc ứng xử:

- Công ty tiếp tục thực hiện các nội dung, hệ giá trị ... đã được chi tiết hóa trong tài liệu Văn hóa Doanh nghiệp và Quy tắc ứng xử. Kết quả đến nay sau 4 năm áp dụng Quy tắc ứng xử và tài liệu Văn hóa Doanh nghiệp, Công ty đã ghi nhận hiệu quả đạt được một cách rõ rệt, giúp nâng cao tinh thần làm việc, ý thức vai trò trách nhiệm, tinh thần đoàn kết đã được phát huy tối đa giữa các bộ phận, giữa các cá nhân góp phần hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.
- Năm 2016 Công ty tiếp tục thực hiện chuyên mục Văn hóa trên Website Công ty và thực hiện các phóng sự về Văn hóa, thông qua hoạt động này đã nâng cao hơn nữa hiệu quả của việc thực thi Văn hóa doanh nghiệp, Quy tắc ứng xử vào công việc và quan hệ trong công việc.

5.5. Chăm lo điều kiện làm việc cho cán bộ kỹ sư:

- Đảm bảo điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ kỹ sư và người lao động. Đặc biệt là công tác tư vấn giám sát thi công ở các công trường, Công ty đã triển khai xây dựng khu nhà ở cho các kỹ sư TVGS Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 MR, khởi công vào ngày 10/12/2015 đã hoàn thành và đưa vào sử dụng ngày 30/4/2016. Các công trường mới triển khai, Công ty cũng quan tâm triển khai điều kiện ăn ở làm việc tốt nhất cho các bộ kỹ sư như: Thủy điện Đa Dâng, Thủy điện Đa Nhim Mở rộng ...

6. Kế hoạch phát triển trong tương lai

6.1. Mục tiêu

- Doanh thu đạt 307 tỷ tự làm, quản lý chi phí hiệu quả để đạt tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu là 7%.
- Quản lý tiến độ và chất lượng dịch vụ tư vấn; chú trọng việc phục đáp các yêu cầu của Khách hàng.
- Các hệ thống quản lý cốt lõi được áp dụng hiệu quả: phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng, quản lý dự án, quản lý tri thức và phát triển năng lực đội ngũ. Tuân thủ quy trình, kiểm soát chất lượng nội bộ. Ứng dụng BIM vào sản phẩm.
- Nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực quản lý, quản trị tri thức.

6.2. Định hướng kế hoạch doanh thu sau năm 2018:

- Tiếp tục phát huy thế mạnh về sản phẩm truyền thống của công ty là dịch vụ tư vấn khảo sát thiết kế các dự án điện.
- Thực hiện tốt các sản phẩm tư vấn truyền thống như: lập quy hoạch, khảo sát, thiết kế, lập dự án và công tác tư vấn liên quan đến nguồn và lưới điện với khách hàng lớn: Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Than khoáng sản Việt nam, các Tổng Công ty Phát Điện, các Tổng Công ty Điện lực thuộc EVN và Tổng Công ty truyền tải điện Quốc Gia (NPT).
- Thực hiện tốt về tiến độ và chất lượng các công tác tư vấn quy hoạch, thẩm tra do Bộ Công Thương triển khai, các dự án do các Sở Công thương các tỉnh làm Chủ đầu tư.
- Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm mới là năng lượng tái tạo và môi trường đặc biệt là các sản phẩm về điện mặt trời.
- Tham gia liên danh liên kết để thực hiện các gói thầu EPC các dự án điện.
- Thực hiện sản phẩm mới là thuê và quản lý chuyên gia nước ngoài thực hiện các dự án nhiệt điện tại Việt Nam.

6.3. Các giải pháp thực hiện

6.3.1. Doanh thu đạt 307 tỷ, quản lý chi phí hiệu quả LN/DT 7%:

- Tăng cường công tác quan hệ khách hàng, tìm kiếm và phân tích thông tin để tiếp cận được nhiều khách hàng, chào hàng và xúc tiến hợp đồng tư vấn. Đẩy mạnh các hoạt động marketing phù hợp và linh hoạt theo định hướng khách hàng.
- Tăng cường chất lượng hồ sơ chào thầu và thực hiện đấu thầu theo qui trình QT-KH-04. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp rút kinh nghiệm sau mỗi lần đấu thầu không thành công và tìm hiểu lý do từ các khách hàng.

- Chủ động sáng tạo, nghiên cứu, đề xuất sự cần thiết để tạo nhu cầu đầu tư các Công trình Điện cho khách hàng nhằm tìm kiếm những công việc mới.
- Thu thập và phân tích thông tin tài chính, dự đoán nhu cầu và đưa ra các giải pháp tối ưu liên quan đến mục tiêu kinh doanh, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển, tối đa hóa doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận và đảm bảo lợi ích hài hòa cho cổ đông và người lao động.

6.3.2. Đảm bảo tiến độ và chất lượng các sản phẩm tư vấn

- Đây là mục tiêu hàng đầu của Công ty nhằm thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch trong sản xuất kinh doanh. Các công việc cụ thể như sau:
- Quản lý hiệu quả tiến độ chất lượng dịch vụ tư vấn. Chú trọng việc phúc đáp yêu cầu của khách hàng.
- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, hồ sơ tư vấn phải được thực hiện theo đúng qui trình qui phạm và thỏa mãn yêu cầu hợp lý của khách hàng.

6.3.3. Tuân thủ quy trình, xây dựng hệ thống quản lý an toàn thông tin:

- Tuân thủ quy trình. Ứng dụng công nghệ mới, kiểm soát chất lượng nội bộ. Cải tiến liên tục các quy trình nhằm nâng cao hiệu lực và nâng cấp hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, rà soát và hiệu chỉnh các quy trình liên quan đảm bảo hệ thống quản lý vận hành tốt, vận hành ổn định hệ thống an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27000.
- Áp dụng triệt để và có hiệu quả thang bảng lương mới. Đánh giá theo các chỉ tiêu trọng yếu (KPI) đến từng cá nhân cán bộ kỹ sư.
- Tiếp tục áp dụng hệ thống quản lý và đánh giá công việc (KPI, KPO) thông qua bảng điểm cân bằng (BSC) trong tất cả các đơn vị của Công ty.
- Trang bị các phương tiện làm việc hiện đại, trang bị và áp dụng các phần mềm tiên tiến, hiện đại có bản quyền nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn.
- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến quán triệt đến toàn thể CBCNV về các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất năm 2018.

6.3.4. Nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực quản lý và quản trị tri thức:

- Nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực quản lý của cán bộ quản lý cấp đơn vị, cấp chủ nhiệm lập dự án. Quản trị tri thức và nâng cao tinh thần đồng đội.
- Xây dựng Văn hóa công ty, tăng cường việc giám sát nội qui lao động. Nâng cao tính tự giác, kích thích niềm đam mê, lòng yêu nghề, nhiệt huyết trong công việc được đảm nhận. Xây dựng niềm tin trong tổ chức, nâng cao

tinh thần trách nhiệm, không đổ lỗi, chủ động trong công việc, hợp tác tốt giữa các cá nhân và đơn vị trên tinh thần sáng tạo, tin cậy, trung thực, chân thành xây dựng và chia sẻ kiến thức kinh nghiệm.

- Đào tạo nâng cao các kỹ năng cơ bản của kỹ sư tư vấn, kích thích phối hợp làm việc nhóm. Tăng cường công tác tự đào tạo và đào tạo nội bộ để tăng hiệu quả và giảm chi phí đào tạo đặc biệt là các kỹ năng mềm như quản lý, làm việc nhóm và ngoại ngữ.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng các đề tài khoa học kỹ thuật, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào công tác chuyên môn nghiệp vụ của Công ty.
- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm việc làm, nâng cao doanh thu, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần tạo ổn định đời sống, từ đó an tâm đóng góp nhiều cho Công ty.

7. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):

Công ty kiểm toán đã chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

8. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):

Công ty đã có những chỉ đạo và quyết sách phù hợp, đáp ứng tốt các quy định của pháp luật và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội.

- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Hàng quý công ty đều có tổ chức các cuộc họp đối thoại với người lao động, hàng năm công ty tổ chức hội nghị người lao động để từ đó lắng nghe và giải quyết các yêu cầu và kiến nghị chính đáng của người lao động. Công ty cũng đã luôn có những cải tiến về chính sách tiền lương, các quy định về phúc lợi xã hội nhằm đáp ứng cao nhất đời sống vật chất, tinh thần cho Người lao động.

- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty đã hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Năm 2015 Công ty đã được nhận bằng khen của quận đội quận 3 thành phố Hồ Chí Minh vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác an ninh quốc phòng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2017 là năm hoạt động thứ 10 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với những điều kiện thuận lợi và khó khăn như sau:

a) Thuận lợi:

- Năm 2017 là năm Công ty kế thừa những thành công của năm 2015, nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động sản xuất và kinh doanh cũng như tinh thần lao động của toàn thể người lao động trong Công ty.
- Ban điều hành luôn đoàn kết, có đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm cao, luôn hết lòng vì quyền lợi của Công ty. Đồng thời Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư giàu kinh nghiệm và nhiệt tình công tác, nhờ đó đã tạo nên động lực quan trọng góp phần tích cực vào việc hoàn thành vượt mức KH năm 2017.

b) Khó khăn:

- Các khó khăn về kinh tế toàn cầu nói chung và Việt nam nói riêng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhiều dự án đang được tiến hành nhưng do thiếu vốn nên bị dừng lại hoặc giảm tiến độ đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế của Công ty..
- Sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường và của các công ty tư vấn trong ngành điện cũng là một thách thức to lớn đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Lãnh đạo cũng như toàn thể NLĐ trong công ty.

Với những thuận lợi và khó khăn nêu trên, HĐQT đã lãnh đạo Công ty tận dụng mọi cơ hội để tìm kiếm việc làm đồng thời phấn đấu vượt qua mọi thử thách để thực hiện thành công KHSX và KHTC đã được ĐHĐCĐ năm 2017 thông qua.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

- a) Đặc điểm của Ban điều hành Công ty là tất cả các thành viên trong Ban điều hành đều năng động, giỏi chuyên môn, nhiệt tình trong công việc, không ngại khó, dám nghĩ dám làm, và đặc biệt là đoàn kết nội bộ cao đã là nền tảng của mọi thành công của Công ty trong năm 2017.
- b) Ban điều hành đã duy trì các cuộc họp tiến độ với nội dung đi vào chiều sâu, vào chất lượng và tiến độ của từng dự án nên đã đáp ứng được các

yêu cầu của khách hàng từ đó góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a) Kế hoạch công tác:

HDQT chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành Công ty để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2017, với các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ sẽ thông qua trong kỳ Đại hội dự kiến sẽ được tổ chức vào cuối tháng 4 năm 2017.

b) Các hoạt động khác:

- Giải quyết và ban hành kịp thời các chính sách, quy định trong các lĩnh vực mới phát sinh nhằm đáp ứng tốt công tác quản lý của Công ty.

c) Biện pháp thực hiện:

- Duy trì các hoạt động của HDQT và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc quản lý Công ty.
- Hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành cũng như tìm kiếm thêm việc làm cho công ty bằng cách ban hành kịp thời các quy chế, quy định về quản lý để áp dụng trong Công ty
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và nhắc nhở Ban điều hành để công tác quản lý đạt hiệu quả cao nhất.

V. Quản trị công ty .

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Ông Thái Tuấn Tài - Chủ tịch HDQT

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1962;

Nơi sinh: 870 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP Hồ Chí Minh;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật; chuyên ngành điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1987: Tốt nghiệp Kỹ sư điện, chuyên ngành Điện khí hóa và Tự động hóa khai thác mỏ tại trường Đại học Mỏ Mátxcova.

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM.

Quá trình công tác: 27 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 4/2003: Trưởng phòng Thiết kế trạm Công ty Tư vấn XD điện 3;

Từ 1997 đến 1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

Từ 1988 đến 1997: Nhân viên Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

- Ông Tôn Thất Hùng: Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1983: Tốt nghiệp Kỹ sư Điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng;

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Đà Nẵng.

Năm 2008: Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM

Quá trình công tác: 32 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

- Ông Nguyễn Phú Gia: Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 20 tháng 02 năm 1955;

Nơi sinh: Hà Nội;

Học vị: Tiến sỹ - Nhiệt lò hơi.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1979: Tốt nghiệp Kỹ ngành máy và kỹ thuật điện đại học luyện kim Tiệp Khắc;

Năm 1983: Tốt nghiệp Tiến sỹ ngành thiết bị năng lượng tại Tiệp Khắc .

Năm 1983-1988: Trung tâm thí nghiệm điện Hà Nội;

Quá trình công tác:

Từ 2015 đến nay: Cán bộ hưu trí, Ủy viên HĐQT, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2002 - 2015 : Phó Ban thẩm định Tập đoàn - EVN;

Từ 1997- 2002 : Ban thẩm định Tập đoàn - EVN;

Từ 1996 đến 1997: Phó phòng nhiệt điện - Viện Năng lượng;

Từ 1988 đến 1996: phòng nhiệt điện - Viện Năng lượng;

Từ 1983 đến 1988: Trung tâm thí nghiệm điện Hà Nội.

- Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn: Ủy viên HĐQT

(Giữ chức từ ngày 21 tháng 04 năm 2017)

Sinh ngày: 18 tháng 10 năm 1973;

Nơi sinh: Đà Nẵng;

Học vị: Thạc sỹ Hệ thống điện

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Quá trình công tác:

Từ 01/2015 đến nay: Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Từ 08/2014 – 12/2014 : Phó Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Từ 07/2013 – 07/2014 : Trưởng phòng Nhiệt điện và điện hạt nhân – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 02/2009 – 06/2013 : Trưởng phòng Dự án nguồn – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 11/2006 – 01/2009 : Phó Trưởng phòng Dự án nguồn – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 04/2002 – 11/2006 : Kỹ sư phòng Dự án nguồn – Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 01/2000 – 03/2002 : Kỹ sư phòng Dự án lưới – Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

Từ 07/1996 – 12/1999 : Kỹ sư phòng Hợp tác quốc tế – Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh.

- **Ông Trần Văn Lê Hà: Ủy viên HĐQT**
(Thôi giữ chức từ ngày 21 tháng 04 năm 2017)

Sinh ngày: 05 tháng 06 năm 1957;

Nơi sinh: Kiên Giang;

Học vị: Kỹ sư điện, cử nhân luật.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1978: Công nhân kỹ thuật điện;

Năm 1992: Kỹ sư hệ thống điện .

Năm 2002: Cử nhân luật học

Quá trình công tác:

Từ 2014 đến nay: Trưởng ban KS nội bộ TCT điện lực Tp. HCM

Từ 1984 - 1992 : Công tác tại TCT điện lực Tp. HCM

Từ 1992- 1975 : Công tác tại Nhà máy nhiệt điện Thủ Đức

- **Ông Phạm Văn Thuận: Ủy viên HĐQT**
(Thôi giữ chức từ ngày 21 tháng 04 năm 2017)

Sinh ngày: 11 tháng 10 năm 1958;

Nơi sinh: Thái Bình;

Học vị: Kỹ xây dựng.

Quốc tịch: Việt Nam;

Hiện nay ông Phạm Văn Thuận đang công tác tại Tập đoàn điện lực Việt Nam với chức danh là Phó Ban Quản lý đầu tư. Ông Phạm Văn Thuận là người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam tại công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

- Danh sách và cổ phần của các thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Số cổ phiếu đại diện
1	Thái Tuấn Tài	CT. HĐQT	12.751	1.424.781 (29,27% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
2	Tôn Thất Hùng	UV. HĐQT	12.690	1.093.914 (19,51% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
3	Nguyễn Phú Gia (Thành viên HĐQT độc lập)	UV. HĐQT	8.014	0
4	Nguyễn Như Hoàng Tuấn	UV. HĐQT	2.649	0

- Ông Nguyễn Phú Gia là thành viên Hội đồng quản trị độc lập, ông được các cổ đông bầu vào hội đồng quản trị trong kỳ đại hội ngày 27 tháng 4 năm 2012. Ông Nguyễn Phú Gia được đào tạo tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp khắc với bằng tốt nghiệp là Tiến sỹ về ngành nhiệt cơ học. Hiện nay ông Nguyễn Phú Gia là cán bộ hưu trí và ông luôn tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các công tác giám sát, kiểm tra của Hội đồng quản trị đối với ban điều hành của Công ty.
- Ông Nguyễn Văn Long, Chánh Văn Phòng Công ty được Hội đồng quản trị bầu làm kiêm nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty, đồng thời được ủy quyền là người công bố thông tin.

+ ĐT: 0963 911 865

+ Email: longnv@pecc3.com.vn

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có các tiểu ban thuộc HĐQT.

c) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban Tổng Giám đốc

Mỗi hai tuần một lần đại diện của HĐQT đều tham dự cuộc họp giao ban sản xuất do Tổng Giám đốc chủ trì với sự tham dự của các trưởng đơn vị và Giám đốc các Chi nhánh. Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị đều quan tâm và có các hoạt động kiểm tra, giám sát, đặc biệt đối với các dự án lớn hoặc có tiến độ thực hiện khẩn trương.

d) Các cuộc họp của HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV.HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 27/04/2012	9	100%	
2	Ông Tôn Thất Hùng	Ủy viên HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 27/04/2012	8	88%	Bận đi công tác
3	Ông Nguyễn Phú Gia	Ủy viên HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 27/04/2012	9	100%	
4	Ông Phạm Văn Thuận	Ủy viên HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 01/02/2013	3	33%	Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/4/2017
5	Ông Trần Văn Lê Hà	Ủy viên HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 01/04/2015	2	22%	Hết nhiệm kỳ từ ngày 21/4/2017
6	Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Ủy viên HĐQT	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 21/04/2017	7	77%	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 21/4/2017

e) Các nghị quyết của Hội đồng quản trị và kết quả thực hiện

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu
1	0002/NQ-HĐQT (Họp HĐQT quý I năm 2017)	05/01/2017	Điều 1. Thông qua kết quả SXKD năm 2016 với doanh thu ước đạt 300 tỷ đồng. Điều 2. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2017 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau: 2.1 Tổng doanh thu năm 2017: 345,309 tỷ đồng 2.2 Đầu tư XD, mua sắm TSCĐ và đầu tư TC năm 2017: 15,466 tỷ đồng g Điều 3. Thông qua đơn giá tiền lương năm 2017 Đơn giá tiền lương thiết kế tự làm: 535đ/1000đ Đơn giá tiền lương giám sát thi công tự làm: 590đ/1000đ Đơn giá tiền lương khảo sát tự làm: 520đ/1000đ. Điều 4. Thông qua kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2017. Công ty dự kiến tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2017 vào cuối tháng 4 năm 2017.
2	0046/NQ-HĐQT (Họp HĐQT quý II năm 2017)	20/04/2017	Điều 1. HĐQT thống nhất thông qua quyết toán quỹ tiền lương năm 2016, chi tiết cụ thể như sau: - Tổng doanh thu tự làm để tính lương: - Tổng quỹ lương thực hiện: 137.957.862.518 đồng Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua tiêu chí Chi trả quỹ khen thưởng Ban điều hành như trong tờ trình số 1095/TTr-TVĐ3 ngày 19/04/2017 của Tổng Giám đốc. Điều 3. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua chương trình, các báo cáo và các tờ trình gửi Đại hội đồng cổ đông

			thường niên năm 2017.
3	0065/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	26/04/2017	Điều 1. Thống nhất thông qua việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016. Điều 2. Giao cho Tổng Giám đốc tiến hành các thủ tục cần thiết để triển khai việc thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016.
4	0089/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	29/05/2017	Điều 1. HĐQT quyết định chọn Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán cho Công ty năm 2017. Điều 2. HĐQT giao cho Tổng Giám đốc tổ chức đàm phán và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY.
5	0099/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý III năm 2017)	14/07/2017	Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất: a) Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2017 và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm; b) Thông qua việc hiệu chỉnh Quy chế lương của Công ty; c) Thông qua việc sửa đổi vốn điều lệ và Điều lệ của Công ty: - Tăng vốn điều lệ Công ty từ 40.571.640.000 đồng lên 48.684.270.000 đồng. d) Thông qua phương án thoái vốn tại Công ty cổ phần EVN Quốc tế; e) Thông qua việc tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Công ty Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng điện đối với ông Nguyễn Quốc Hoan và Thư ký Công ty đối với ông Nguyễn Văn Long.

			Điều 2. Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành quy chế lương hiệu chỉnh, thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần EVN Quốc tế và ký các quyết định tái bổ nhiệm nêu trên.
6	0155/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý IV năm 2017)	14/10/2017	Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất: f) Thông qua chiến lược phát triển Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giai đoạn 2018-2022; g) Thông qua Quy chế quản lý và thực hiện hợp đồng của Công ty; h) Ghi nhận kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2017 và các bước tiếp theo để thực hiện nhiệm vụ các tháng còn lại của năm 2017; i) Thông qua việc tái bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Long – Thư ký Công ty kiêm nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị Công ty với nhiệm kỳ 5 năm; Thống nhất tái bổ nhiệm ông Tôn Thất Hùng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty với nhiệm kỳ 5 năm. Điều 2. Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành quy chế quản lý & thực hiện hợp đồng và ký các quyết định bổ nhiệm nêu trên.
7	0172/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	09/11/2017	Điều 1. HĐQT thống nhất thông qua việc Công ty thuê Tư vấn thẩm định giá cổ phần tại Doanh nghiệp và giao cho Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện ở thời điểm thích hợp.
8	0189/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất	17/11/2017	Điều 1. HĐQT thống nhất việc Tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 để thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn

	thường)		vốn chủ sở hữu.
9	0229/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	26/12/2017	Điều 1: Thống nhất thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau: + Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành (đã loại trừ cổ phiếu quỹ không được hưởng quyền): 3.407.889 cổ phiếu + Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 34.078.890.000 đồng + Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 82.763.160.000 đồng. + Tỷ lệ thực hiện: 70%, tương đương tỷ lệ 10:7. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu cũ sẽ được nhận thêm 7 cổ phiếu mới. + Nguồn phát hành cổ phiếu: từ nguồn vốn chủ sở hữu. + Thời gian thực hiện: Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Điều 2: Giao cho Tổng Giám đốc tiến hành các thủ tục cần thiết để triển khai việc thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ông Thái Tuấn Tài - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Tôn Thất Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

TT	Họ & Tên	Chức vụ	Số CMND	Đ/Chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Trương Thị Anh Đào (Tốt nghiệp đại học TCKT và là kế toán viên)	Trưởng BKS	024654756	18D4 Phan Chu Trinh, P.2, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	1.127	0,033%
2	Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên BKS	012212614	P512, L1, 93 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	0	0
3	Phạm Duy Hải	Thành viên BKS	021862015	383B/37 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q.I, Tp.HCM	3.450	0,102%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 cũng như tuân thủ các quy định khác của pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 22-04-2016.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số buổi họp của ban lãnh đạo về kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016.
- Đã đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 bao gồm giai đoạn soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2016 và báo cáo tài chính cả năm 2016.
- Triển khai thực hiện các 02 đợt kiểm soát :
 - * Đợt 1: kiểm soát báo cáo tài chính năm 2015 trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên với các nội dung kiểm soát bao gồm :
 - + Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị năm 2015.
 - + Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2015.
 - + Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2015.

- + Các nội dung khác như: Tình hình công nợ phải thu, phải trả năm 2015; Thu nhập của HĐQT và BKS năm 2015; Tình hình ĐTXD; Đầu tư tài chính dài hạn; Mua sắm TSCĐ; Mua sắm Công cụ dụng cụ và trang thiết bị; Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát tại Biên bản Kiểm soát ngày 20/3/2015 và Biên bản Kiểm soát ngày 21/8/2015,...

* Đợt 2: kiểm soát báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 của Chi nhánh Công ty CP TVXDĐ3 - Chi nhánh miền Trung với các nội dung kiểm soát bao gồm :

- + Xem xét tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016.
- + Xem xét công tác tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2016.
- + Các nội dung khác như: Phân phối tiền lương; Hợp đồng thuê ngoài; Chi tiêu nội bộ; Đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ,...các hoạt động theo phân cấp của Chi nhánh.

c) Các biên bản của Ban Kiểm soát

1	Biên bản	Ngày	Nội dung
1	Biên bản làm việc giữa BKS và Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3	23/03/2016	+ Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị năm 2015. + Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2015. + Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2015. + Các nội dung khác, kiểm soát tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát tại Biên bản Kiểm soát kỳ trước.
2	Biên bản làm việc giữa BKS và Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3 – Chi nhánh miền Trung	24/8/2016	+ Xem xét tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016. + Xem xét công tác tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2016. + Các nội dung khác như: Phân phối tiền lương; Hợp đồng thuê ngoài; Chi tiêu nội bộ; Đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ,...các hoạt động theo phân cấp của Chi nhánh.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị:

- Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch HĐQT kiêm TGD: 429.560.000 đồng
- Ông Tôn Thất hùng – UVHĐQT kiêm Phó TGD: 366.760.000 đồng
- Ông Phạm Văn Thuận – UV HĐQT: 20.000.000 đồng
- Ông Trần Văn Lê Hà – UV HĐQT: 20.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Phú Gia – UV HĐQT: 60.000.000 đồng
- Nguyễn Như Hoàng Tuấn – UY HĐQT: 1.447.430.316 đồng
- Ban Tổng giám đốc:
 - Ông Nguyễn Trí Trinh – Phó Tổng giám đốc: 554.933.200 đồng
 - Ông Trần Lê Minh – Phó Tổng giám đốc: 581.196728 đồng
- Ban Kiểm soát:
 - Bà Trương Thị Anh Đào – Trưởng Ban kiểm soát: 375.989.000 đồng
 - Bà Nguyễn Minh Hiếu – Thành viên Ban kiểm soát: 42.000.000 đồng
 - Ông Phạm Duy Hải – Thành viên Ban kiểm soát: 34.000.000 đồng
 - Ông Nguyễn Văn Thiện – Thành viên Ban kiểm soát: 342.604.038 đồng
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		225.168.581.082	207.382.382.520
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	104.218.416.418	79.420.409.305
Tiền	111		63.381.328.418	56.798.473.305
Các khoản tương đương tiền	112		40.837.088.000	22.621.936.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	13.896.190.000	817.090.000
Chứng khoán kinh doanh	121		220.790.000	220.790.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.675.400.000	596.300.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.567.387.945	94.186.059.111
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	78.501.835.757	74.657.841.722
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.455.586.993	18.529.695.867
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.780.977.666	8.130.784.249
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(8.171.012.471)	(7.132.262.727)
Hàng tồn kho	140	10	32.238.049.027	32.823.111.492
Hàng tồn kho	141		32.238.049.027	32.823.111.492
Tài sản ngắn hạn khác	150		248.537.692	135.712.612
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	248.537.692	135.712.612
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		51.153.455.019	52.079.861.720
Các khoản phải thu dài hạn	210		153.000.000	153.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		153.000.000	153.000.000
Tài sản cố định	220		32.226.778.971	29.818.962.463
Tài sản cố định hữu hình	221	12	20.434.109.245	19.965.552.385
- Nguyên giá	222		49.006.089.880	46.543.359.517
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.571.980.635)	(26.577.807.132)
Tài sản cố định vô hình	227	13	11.792.669.726	9.853.410.078
- Nguyên giá	228		16.693.762.275	13.616.194.379
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.901.092.549)	(3.762.784.301)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	311.190.280
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	311.190.280
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	16.421.080.349	19.450.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		19.450.000.000	19.450.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.028.919.651)	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.352.595.699	2.346.708.977
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.352.595.699	2.346.708.977
TỔNG TÀI SẢN	270		276.322.036.101	259.462.244.240

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		178.983.897.283	172.371.348.955
Nợ ngắn hạn	310		178.983.897.283	172.371.348.955
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	29.520.708.415	6.575.795.150
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		62.407.452.642	66.302.064.711
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	7.487.812.679	5.921.082.664
Phải trả người lao động	314		66.658.552.541	78.484.930.289
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	249.194.789	6.782.365.633
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	11.796.893.110	7.708.667.401
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		863.283.107	596.443.107
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		97.338.138.818	87.090.895.285
Vốn chủ sở hữu	410	18	97.338.138.818	87.090.895.285
Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.684.270.000	40.571.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.684.270.000	40.571.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		34.030.474.882	32.378.928.577
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.578.533.936	14.095.466.708
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		617.715.403	1.198.087.938
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		13.960.818.533	12.897.378.770
TỔNG NGUỒN VỐN	440		276.322.036.101	259.462.244.240

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	400.545.053.218	307.539.895.943
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		526.927.747	657.704.809
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		400.018.125.471	306.882.191.134
Giá vốn hàng bán	11	21	316.447.637.762	237.153.469.542
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		83.570.487.709	69.728.721.592
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.810.939.777	1.251.004.577
Chi phí tài chính	22	23	3.127.245.152	372.590.334
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	24	11.560.350.721	9.916.812.849
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	54.002.528.749	45.109.817.364
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.691.302.864	15.580.505.622
Thu nhập khác	31	25	237.091.772	1.461.868.251
Chi phí khác	32	26	152.081.541	742.903.283
Lợi nhuận khác	40		85.010.231	718.964.968
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.776.313.095	16.299.470.590
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	3.815.494.562	3.402.091.820
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.960.818.533	12.897.378.770
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.535	2.176
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	1.491	1.280

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		17.776.313.095	16.299.470.590
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.251.624.568	3.224.621.731
Các khoản dự phòng	03		4.082.311.595	57.018.797
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(224.865.786)	(617.715.403)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(2.217.071.356)	(2.647.228.333)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.668.312.116	16.316.167.382
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		18.545.462.160	(3.344.237.521)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		585.062.465	(3.302.046.865)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		4.990.618.183	26.620.483.677
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(118.711.802)	656.139.739
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.063.501.217)	(3.182.819.585)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		20.000.000	10.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.438.160.000)	(751.130.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.189.081.905	33.022.556.827
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.471.465.251)	(8.243.607.696)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		305.154.546	6.083.382.273
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13.000.000.000)	(617.525.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.769.416.666
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(8.100.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.733.452.839	542.747.283
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.432.857.866)	(4.565.586.474)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.124.373.650)	(706.285.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.124.373.650)	(706.285.650)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		24.631.850.389	27.750.684.703
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	79.420.409.305	51.134.559.843
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		166.156.724	535.164.759
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	104.218.416.418	79.420.409.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên tiếng Anh là Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3, viết tắt là PECC3, được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3, doanh nghiệp nhà nước thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0301475102, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/11/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17/07/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thứ 8 là 48.684.270.000 đồng, chia thành 4.868.427 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 01 tháng 12 năm 2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là: TV3.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ xây dựng công trình điện và công trình dân dụng.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng;
- Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính;
- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt); dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập tổng dự toán công trình, Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp;
- Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thẩm tra thiết kế công trình;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

- Tư vấn lập hồ sơ: đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu-đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)/.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình xây dựng điện. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thông thường phụ thuộc theo tiến độ chung của dự án, do đó các công trình có thể kéo dài trong 1 năm hoặc hơn.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình xây dựng điện.

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Công ty trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam, theo đó, số lượng khách hàng phụ thuộc vào chất lượng và trình độ của các kỹ sư nhằm giúp tăng năng lực cạnh tranh so với các công ty trong cùng ngành. Bên cạnh đó, vấn đề về đầu tư phát triển mở rộng và nâng cấp các công trình điện cũng như việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Công ty có các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Chi Nhánh Miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, xã Vĩnh Hiệp, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát thiết kế
- Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát thiết kế

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 KỶ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) và Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Công ty trích lập dự phòng đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (đến 12 tháng hay trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ theo Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi và được phân loại trên bảng cân đối kế toán theo thời hạn thanh toán ước tính, phụ thuộc vào thời điểm phê duyệt kỹ thuật hồ sơ thiết kế.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư số 28/2017/TT-TC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư số 147. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và phần mềm máy vi tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao. Phần mềm quản lý được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)*****Chi phí khác***

Chi phí khác thể hiện chi phí chênh lệch khi xác định giá trị doanh nghiệp, chi phí phần mềm máy tính,...các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

4.10 NGOẠI TỆ

Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong các giao dịch kế toán là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và trích trước theo đúng kỳ kế toán.

Việc ước tính khối lượng công việc làm cơ sở ghi nhận doanh thu căn cứ vào biên bản nghiệm thu, quyết toán từng đợt với Chủ đầu tư, Giám sát công trình. Do đó, giá vốn dịch vụ

tư vấn, khảo sát, thiết kế được kết chuyển theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành tương ứng với doanh thu đã ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn khảo sát thiết kế, theo đó, toàn bộ doanh thu phát sinh trong năm của Công ty là doanh thu liên quan đến hoạt động này, vì

vậy Công ty xác định không có sự khác biệt về lĩnh vực kinh doanh cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Văn phòng Công ty, Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện và Chi nhánh Miền trung. Vì vậy, báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	177.563.669	71.060.738
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	63.203.764.749	56.727.412.567
Các khoản tương đương tiền (*)	40.837.088.000	22.621.936.000
Cộng	104.218.416.418	79.420.409.305

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2017			Tại 01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a) Chứng khoán kinh doanh	220.790.000	220.790.000	-	220.790.000	220.790.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	220.790.000	220.790.000	-	220.790.000	220.790.000	-
	Tại 31/12/2017			Tại 01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND		Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.675.400.000	13.675.400.000		596.300.000	596.300.000	
b1) Ngắn hạn	13.675.400.000	13.675.400.000		596.300.000	596.300.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	13.675.400.000	13.675.400.000		596.300.000	596.300.000	
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	8.675.400.000	8.675.400.000		596.300.000	596.300.000	
+ Ngân hàng TMCP An Bình (2)	5.000.000.000	5.000.000.000		-	-	
b2) Dài hạn	-	-		-	-	
	Tại 31/12/2017			Tại 01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19.450.000.000	16.421.080.349	(3.028.919.651)	19.450.000.000	19.450.000.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	19.450.000.000	16.421.080.349	(3.028.919.651)	19.450.000.000	19.450.000.000	-
+ Công ty CP EVN Quốc tế (3)	3.150.000.000	2.520.000.000	(630.000.000)	3.150.000.000	3.150.000.000	-
+ Công ty CP Phong Điện Thuận Bình (4)	16.300.000.000	13.901.080.349	(2.398.919.651)	16.300.000.000	16.300.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Gồm 2 khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: Hợp đồng tiền gửi 8.000.000.000 đồng kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 6%/năm và hợp đồng tiền gửi 25.000 EUR (tương đương 675.400.000 đồng) kỳ hạn 01 năm, lãi suất 0,75%/năm.
- (2) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP An Bình với lãi suất 6%/năm.
- (3) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế với tỷ lệ góp 0,86% vốn điều lệ.
- (4) Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có vốn điều lệ 240 tỷ đồng, Công ty sẽ góp 10% vốn điều lệ. Vốn góp vào Công ty CP Phong Điện Thuận Bình được góp theo từng đợt. Đến ngày 31/12/2017, Công ty đã góp 16,3 tỷ đồng trong tổng số vốn các bên đã góp là 163 tỷ đồng, tương đương 10%.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	78.501.835.757	74.657.841.722
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	12.104.919.926	10.463.565.991
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	2.162.035.390	2.254.439.706
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	17.129.916.156	682.885.675
- Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	1.324.878.980	4.474.643.903
- Ban QLDA nhiệt điện 3	12.084.823.121	13.698.457.096
- Ban QLDA nhiệt điện 2	2.418.828.407	-
- Sở Công Thương Bạc Liêu	-	1.024.317.640
- Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	5.100.415.846
- Công ty TNHH điện Xêkaman 1	1.990.538.100	1.282.536.100
- Các khoản phải thu khách hàng khác	24.185.479.831	35.676.579.765
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 33.1)	58.247.882.446	45.674.873.809

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)
8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.780.977.666	-	8.130.784.249	-
- Phải thu thuế TNCN dự án TĐ Xekaman 1	201.238.190	-	282.168.182	-
- Phải thu người lao động	1.828.396.926	-	2.130.120.851	-
- Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.166.869.350	-
- Bảo hiểm xã hội	257.184.597	-	252.683.161	-
- Bảo hiểm y tế	-	-	214.443	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	418.357.339	-	66.062.818	-
- Phải thu ngắn hạn khác	70.800.614	-	232.665.444	-
Dài hạn	153.000.000	-	153.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	153.000.000	-	153.000.000	-
Cộng	2.933.977.666	-	8.283.784.249	-

9. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Số dư nợ quá hạn VND	Số trích lập VND	Số dư nợ quá hạn VND	Số trích lập VND
Các khoản nợ quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	1.775.031.241	532.509.373	7.667.911.254	2.300.373.376
Các khoản nợ quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	7.341.978.862	3.670.989.431	250.450.595	125.225.298
Các khoản nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	-	-	808.925.356	566.247.749
Các khoản nợ quá hạn trên 3 năm	3.967.513.667	3.967.513.667	4.140.416.304	4.140.416.304
Cộng	13.084.523.770	8.171.012.471	12.867.703.509	7.132.262.727

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	162.374.175	-	118.724.380	-
Công cụ, dụng cụ	9.881.896	-	9.629.918	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.065.792.956	-	32.694.757.194	-
Cộng	32.238.049.027	-	32.823.111.492	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	248.537.692	135.712.612
- Công cụ dụng cụ	143.241.049	94.720.612
- Chi phí phần mềm máy tính chờ phân bổ	66.741.250	9.100.000
- Chi phí khác	38.555.393	31.892.000
Dài hạn	2.352.595.699	2.346.708.977
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.110.748.323	2.281.307.852
- Chi phí phần mềm máy tính chờ phân bổ	241.847.376	65.401.125
Cộng	2.601.133.391	2.482.421.589

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)
12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2017	13.196.031.024	9.918.865.577	19.692.787.947	3.735.674.969	46.543.359.517
- Mua trong năm	-	3.093.263.635	-	488.609.545	3.581.873.180
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(631.502.909)	(487.639.908)	(1.119.142.817)
Tại 31/12/2017	13.196.031.024	13.012.129.212	19.061.285.038	3.736.644.606	49.006.089.880
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2017	(4.438.581.177)	(8.712.644.791)	(10.376.157.053)	(3.050.424.111)	(26.577.807.132)
- Khấu hao trong năm	(776.486.760)	(588.425.852)	(1.328.185.116)	(420.218.592)	(3.113.316.320)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	631.502.909	487.639.908	1.119.142.817
Tại 31/12/2017	(5.215.067.937)	(9.301.070.643)	(11.072.839.260)	(2.983.002.795)	(28.571.980.635)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	8.757.449.847	1.206.220.786	9.316.630.894	685.250.858	19.965.552.385
Tại 31/12/2017	7.980.963.087	3.711.058.569	7.988.445.778	753.641.811	20.434.109.245

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 15.158.126.973 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)
13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2017	10.419.849.292	3.196.345.087	13.616.194.379
- Mua trong năm	-	2.791.046.616	2.791.046.616
- Tăng khác	286.521.280	-	286.521.280
Tại 31/12/2017	10.706.370.572	5.987.391.703	16.693.762.275
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2017	(1.058.134.267)	(2.704.650.034)	(3.762.784.301)
- Khấu hao trong năm	(191.098.370)	(947.209.878)	(1.138.308.248)
Tại 31/12/2017	(1.249.232.637)	(3.651.859.912)	(4.901.092.549)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2017	9.361.715.025	491.695.053	9.853.410.078
Tại 31/12/2017	9.457.137.935	2.335.531.791	11.792.669.726

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 2.606.802.690 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)
14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ		trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	29.520.708.415	29.520.708.415	6.575.795.150	6.575.795.150
- Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	1.042.594.073	1.042.594.073	4.218.352.058	4.218.352.058
- Fichtner GmbH & Co.KG	11.367.500.000	11.367.500.000	-	-
- Tractebel Engineering S.A	11.364.398.491	11.364.398.491	-	-
- Công ty CP EVN Quốc Tế	1.037.242.661	1.037.242.661	-	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật điện Phương Nam	139.814.500	139.814.500	498.325.674	498.325.674
- Công ty Cổ phần Thiết bị Sài Gòn	1.036.000.000	1.036.000.000	-	-
- Công ty TNHH TMDV Nam Việt	764.417.000	764.417.000	-	-
- Phải trả nhà cung cấp khác	2.768.741.690	2.768.741.690	1.859.117.418	1.859.117.418
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 33.1)	2.079.836.734	2.079.836.734	4.218.352.058	4.218.352.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)
15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	3.618.694.732	28.113.299.170	26.776.822.223	4.955.171.679
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.017.646.936	3.815.494.562	3.063.501.217	1.769.640.281
- Thuế thu nhập cá nhân	1.282.652.062	5.541.846.040	6.061.497.383	763.000.719
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.559.975	5.559.975	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	5.030.052.048	5.030.052.048	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.088.934	11.776.104	13.865.038	-
Cộng	5.921.082.664	42.518.027.899	40.951.297.884	7.487.812.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)
16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	249.194.789	6.782.365.633
- Trích chi phí cho các dự án, công trình	249.194.789	6.782.365.633
b) Dài hạn	-	-
Cộng	249.194.789	6.782.365.633

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	11.796.893.110	7.708.667.401
- Kinh phí công đoàn	35.178.980	1.330.718.823
- Bảo hiểm xã hội	-	42.240.960
- Bảo hiểm y tế	83.736.455	96.765.230
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.686.427	4.971.027
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	462.189.875	557.988.525
- Lương, chi phí khoán công trình phải trả	-	698.925.200
- Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN của CBCNV	9.413.023.657	4.172.666.749
- Vay lại tiền lương khoán của các phòng ban trong Công ty	-	228.383.385
- Phải trả CBCNV về hoàn tạm ứng chi phí	423.074.336	405.715.043
- Phải trả về quy hoạch cho Trung tâm Điện lực Quảng Trị	87.923.979	87.923.979
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.279.079.401	82.368.480
b) Dài hạn	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	11.796.893.110	7.708.667.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU
18.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty là 48.684.270.000 đồng, chia thành 4.868.427 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tình hình góp vốn của các cổ đông như sau:

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tập đoàn điện lực Việt Nam	48,8%	23.747.850.000	48,8%	19.789.880.000
Tổng Công ty Điện lực TP.HCM	0,0%	-	12,5%	5.065.660.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	6,8%	3.321.520.000	6,8%	2.774.600.000
Ông Trần Quốc Điền	5,1%	2.492.550.000	0,0%	-
Cổ đông khác	39,3%	19.122.210.000	31,9%	12.941.360.000
Cổ phiếu quỹ	0,0%	140.000	0,0%	140.000
Cộng	100%	48.684.270.000	100%	40.571.640.000

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2017 số 0061/NQ-TVĐ3 ngày 21 tháng 04 năm 2017, căn cứ Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 29/06/2017, Công ty đã phát hành 811.263 cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương 8.112.630.000 đồng.

18.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TÚC, LỢI NHUẬN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	48.684.270.000	40.571.640.000
+ Vốn góp đầu năm	40.571.640.000	33.810.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	8.112.630.000	6.761.640.000
+ Vốn góp cuối năm	48.684.270.000	40.571.640.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.028.575.000	1.690.493.000

18.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2017 Cổ phiếu	Tại 01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.868.427	4.057.164
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.868.427	4.057.164
+ Cổ phiếu phổ thông	4.868.427	4.057.164
Số lượng cổ phiếu được mua lại	14	14
+ Cổ phiếu phổ thông	14	14
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.868.413	4.057.150
+ Cổ phiếu phổ thông	4.868.413	4.057.150
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)
18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)
18.4 BẢNG ĐỐI CHIỀU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2016	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	30.809.499.798	12.269.649.717	76.934.009.515
- Lãi trong năm	-	-	-	-	12.897.378.770	12.897.378.770
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	6.761.640.000	-	-	-	(6.761.640.000)	-
- Cổ tức đã công bố năm 2015	-	-	-	-	(1.690.493.000)	(1.690.493.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2015	-	-	-	1.569.428.779	(1.569.428.779)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng Ban điều hành năm 2015	-	-	-	-	(1.050.000.000)	(1.050.000.000)
Tại 31/12/2016	40.571.640.000	45.000.000	(140.000)	32.378.928.577	14.095.466.708	87.090.895.285
Tại 01/01/2017	40.571.640.000	45.000.000	(140.000)	32.378.928.577	14.095.466.708	87.090.895.285
- Lãi trong năm	-	-	-	-	13.960.818.533	13.960.818.533
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	8.112.630.000	-	-	-	(8.112.630.000)	-
- Cổ tức đã công bố năm 2016 (*)	-	-	-	-	(2.028.575.000)	(2.028.575.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2016 (*)	-	-	-	1.651.546.305	(1.651.546.305)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng Ban điều hành năm 2016 (*)	-	-	-	-	(1.685.000.000)	(1.685.000.000)
Tại 31/12/2017	48.684.270.000	45.000.000	(140.000)	34.030.474.882	14.578.533.936	97.338.138.818

(*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2017 số 0061/NQ-TVĐ3 ngày 21 tháng 04 năm 2017, Công ty đã trích lập các quỹ, chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% và chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)
18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)
18.5 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	34.030.474.882	32.378.928.577
19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
a) Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.067.964.034	998.521.495
b) Ngoại tệ các loại:		
- Đồng Đô la Mỹ (USD)	1.369.933,10	1.296.054,62
- Đồng Euro (EUR)	68.518,66	68.220,25

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a) Doanh thu	400.545.053.218	307.539.895.943
- Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	400.545.053.218	307.539.895.943
b) Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 33.1)	332.620.610.769	239.856.657.069

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế	316.447.637.762	237.153.469.542
Cộng	316.447.637.762	237.153.469.542

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.013.537.810	521.558.815
Cổ tức, lợi nhuận được chia	73.248.000	73.248.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	499.288.181	38.482.359
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	224.865.786	617.715.403
Cộng	2.810.939.777	1.251.004.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)
23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	98.325.501	372.590.334
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.028.919.651	-
Cộng	3.127.245.152	372.590.334

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	54.002.528.749	45.109.817.364
- Chi phí nhân viên quản lý	24.187.989.555	21.862.811.436
- Chi phí vật liệu quản lý	950.508.465	1.046.349.115
- Chi phí đồ dùng văn phòng	811.552.012	1.200.475.890
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.396.185.961	1.401.025.067
- Thuế, phí và lệ phí	10.559.975	33.914.424
- Chi phí dự phòng	1.053.391.944	57.018.797
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.000.238.804	10.476.612.602
- Chi phí bằng tiền khác	7.969.379.387	6.619.975.010
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.622.722.646	2.411.635.023
b. Các khoản chi phí bán hàng	11.560.350.721	9.916.812.849
- Chi phí dịch vụ bưu chính	37.643.695	41.968.286
- Chi phí bán hàng khác	11.522.707.026	9.874.844.563
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	154.954.546	207.102.272
Lãi thanh lý công cụ dụng cụ	19.009.090	54.513.706
Lãi từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	1.200.252.273
Hoàn nhập chi phí đã trích trước	23.128.136	-
Phạt bồi thường	40.000.000	-
Cộng	237.091.772	1.461.868.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)
26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí truy thu thuế, phạt chậm nộp thuế	27.085.376	6.878.476
Chi phí tiền thi công xử lý lún nền TBA110kV Huế 3	-	109.090.909
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	40.526.826	571.933.898
Xử lý công nợ	54.800.339	-
Xử lý công trình tồn đọng	24.669.000	-
Chi phí khác	5.000.000	55.000.000
Cộng	152.081.541	742.903.283

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.776.313.095	16.299.470.590
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	1.392.500.408	1.390.739.414
- Thù lao Hội đồng quản trị	100.000.000	180.000.000
- Chi phí không được trừ	5.000.000	12.981.476
- Chi phí trích lập dự phòng của các khoản công nợ không có đối chiếu	583.539.562	-
- Tiền phạt chậm nộp thuế	6.776.104	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm trước	617.715.403	1.197.757.938
- Xử lý công nợ	54.800.339	-
- Xử lý công trình tồn đọng	24.669.000	-
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	(95.554.691)	(690.963.403)
- Lợi nhuận cổ tức được chia	(73.248.000)	(73.248.000)
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm nay	(22.306.691)	(617.715.403)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	19.073.258.812	16.999.246.601
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.814.651.762	3.399.849.320
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm trước	842.800	2.242.500
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.815.494.562	3.402.091.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)
28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	13.960.818.533	12.897.378.770
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND):		
<i>Lãi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm các khoản mục tiền tệ (VND)</i>	(224.865.786)	(617.715.403)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	13.735.952.747	12.279.663.367
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng Ban điều hành (VND) (*)	(1.396.081.853)	(1.685.000.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP) (**)	4.868.413	4.868.413
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.535	2.176

(*) Theo Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi với giá trị tạm tính là 1.289.737.877 đồng (theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế 2016). Trong năm 2017, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 0061/NQ-TVĐ3 ngày 21 tháng 04 năm 2017, Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2016 với giá trị là 1.685.000.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2016 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 là số tạm tính trên cơ sở 10% lợi nhuận năm nay, căn cứ kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 0061/NQ-TVĐ3 ngày 21 tháng 04 năm 2017.

(**) Trong năm 2017, Công ty đã phát hành 811.263 cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 20%, tương đương 8.112.630.000 đồng. Do đó, số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2016 được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)
29. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	13.960.818.533	12.897.378.770
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND):		
<i>Lãi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm các khoản mục tiền tệ (VND)</i>	<i>(224.865.786)</i>	<i>(617.715.403)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	13.735.952.747	12.279.663.367
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng Ban điều hành (VND) (*)	(1.396.081.853)	(1.685.000.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP) (**)	4.868.413	4.868.413
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP) (***)	3.407.653	3.407.653
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	1.491	1.280

(*) Theo Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi với giá trị tạm tính là 1.289.737.877 đồng (theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế 2016). Trong năm 2017, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 0061/NQ-TVĐ3 ngày 21 tháng 04 năm 2017, Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2016 với giá trị là 1.685.000.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2016 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 là số tạm tính trên cơ sở 10% lợi nhuận năm nay, căn cứ kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 0061/NQ-TVĐ3 ngày 21 tháng 04 năm 2017.

(**) Trong năm 2017, Công ty đã phát hành 811.263 cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 20%, tương đương 8.112.630.000 đồng. Do đó, số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2016 được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2017 số 0225/NQ-TVĐ3 ngày 22 tháng 12 năm 2017, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận chưa phân phối với tỷ lệ thực hiện là 70% tương đương 10:7, cụ thể tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 7 cổ phiếu phát hành thêm. Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ngày 30/01/2018, số lượng cổ phiếu đã phát hành thêm là 3.407.653 cổ phiếu, tương đương 34.076.530.000 đồng. Tổng số lượng cổ phiếu sau khi phát hành là 8.276.080 cổ phiếu, trong đó số lượng cổ phiếu lưu hành là 8.276.066 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu quỹ là 14 cổ phiếu. Ngày giao dịch dự kiến của cổ phiếu niêm yết bổ sung là trong tháng 3/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)
30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	8.359.198.753	9.432.863.754
Chi phí nhân công	158.107.633.987	192.819.095.312
Khấu hao tài sản cố định	4.251.131.240	4.079.937.348
Chi phí dự phòng	1.053.391.944	57.018.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	167.604.989.098	190.484.974.165
Chi phí bằng tiền khác	42.005.207.972	79.737.517.408
Cộng	381.381.552.994	476.611.406.784

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH
QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.218.416.418	79.420.409.305
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.896.190.000	817.090.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	71.436.404.026	73.679.242.393
Cộng	189.551.010.444	153.916.741.698
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	30.887.711.795	8.637.099.762
Chi phí phải trả	249.194.789	6.782.365.633
Cộng	31.136.906.584	15.419.465.395
Trạng thái ròng	158.414.103.860	138.497.276.303

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)
TÀI SẢN ĐẢM BẢO
Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2017.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Ban Tổng Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

	Tại ngày 31/12/2017			
	Tiền gốc ngoại tệ		VNĐ tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.369.933,10	68.518,66	31.054.937.427	1.851.100.119
+ Tiền gửi ngân hàng	1.369.933,10	518,66	31.054.937.427	14.012.119
+ Tương đương tiền	-	68.000	-	1.837.088.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	25.000	-	675.400.000
Phải thu khách hàng	595.311,77	-	13.492.741.267	-
Cộng	1.965.244,87	93.518,66	44.547.678.694	2.526.500.119
Nợ tài chính				
Phải trả người bán	999.863,58	-	22.731.898.491	-
Cộng	999.863,58	-	22.731.898.491	-
Mức rủi ro tiền tệ	965.381,29	93.518,66	21.815.780.203	2.526.500.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)*****Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi. Tuy nhiên, Công ty không chịu rủi ro lãi suất do trong năm Công ty không có các khoản vay.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối năm tài chính. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)
31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)
QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	30.887.711.795	-	30.887.711.795
Chi phí phải trả	249.194.789	-	249.194.789
Cộng	31.136.906.584	-	31.136.906.584
Tại 01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.637.099.762	-	8.637.099.762
Chi phí phải trả	6.782.365.633	-	6.782.365.633
Cộng	15.419.465.395	-	15.419.465.395

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.218.416.418	-	104.218.416.418
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.896.190.000	-	13.896.190.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	71.283.404.026	153.000.000	71.436.404.026
Cộng	189.398.010.444	153.000.000	189.551.010.444
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.420.409.305	-	79.420.409.305
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	817.090.000	-	817.090.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	73.526.242.393	153.000.000	73.679.242.393
Cộng	153.763.741.698	153.000.000	153.916.741.698

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực địa lý bao gồm: Văn phòng Công ty, Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện và Chi nhánh Miền Trung. Theo đó, Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

Năm 2017	Văn phòng Công ty	Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng	Chi nhánh Miền Trung	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của từng bộ phận	382.804.608.809	50.254.486.943	40.325.706.139	473.384.801.891
Khoản giảm trừ doanh thu của từng bộ phận	515.195.591	180.895.655	11.732.156	707.823.402
Khoản giảm trừ doanh thu nội bộ giữa các bộ phận	-	(180.895.655)	-	(180.895.655)
Khoản giảm trừ doanh thu sau loại trừ giao dịch nội bộ	515.195.591	-	11.732.156	526.927.747
Doanh thu nội bộ giữa các bộ phận	(5.549.586.616)	(46.436.305.125)	(20.853.856.932)	(72.839.748.673)
Doanh thu thuần bộ phận sau loại trừ giao dịch nội bộ	376.739.826.602	3.818.181.818	19.460.117.051	400.018.125.471
Chi phí của từng bộ phận	365.944.937.743	48.484.810.930	40.239.621.577	454.669.370.250
Chi phí nội bộ giữa các bộ phận	(67.109.266.402)	(572.727.273)	(4.976.859.343)	(72.658.853.018)
Chi phí bộ phận sau loại trừ giao dịch nội bộ	298.835.671.341	47.912.083.657	35.262.762.234	382.010.517.232
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	77.904.155.261	(44.093.901.839)	(15.802.645.183)	18.007.608.239
Doanh thu tài chính	2.785.863.596	14.352.378	10.723.803	2.810.939.777
Chi phí tài chính	3.127.245.152	-	-	3.127.245.152
Thu nhập khác	236.182.682	-	909.090	237.091.772
Chi phí khác	131.772.269	20.309.272	-	152.081.541
Lợi nhuận trước thuế	77.667.184.118	(44.099.858.733)	(15.791.012.290)	17.776.313.095
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.815.494.562	-	-	3.815.494.562
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73.851.689.556	(44.099.858.733)	(15.791.012.290)	13.960.818.533
Tổng Tài sản của từng bộ phận	268.518.002.420	25.882.200.431	23.979.822.793	318.380.025.644
Số dư nội bộ giữa các bộ phận	(30.629.853.438)	(9.202.376.979)	(2.225.759.126)	(42.057.989.543)
Tổng Tài sản	237.888.148.982	16.679.823.452	21.754.063.667	276.322.036.101
Tổng Nợ phải trả của từng bộ phận	166.120.294.664	24.897.260.889	19.027.111.551	210.044.667.104
Số dư nội bộ giữa các bộ phận	(11.428.136.105)	(13.328.243.057)	(6.304.390.659)	(31.060.769.821)
Tổng Nợ phải trả	154.692.158.559	11.569.017.832	12.722.720.892	178.983.897.283

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC
33.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu với các bên liên quan	332.620.610.769	239.856.657.069
- Ban QLDA Điện lực miền Nam	8.922.442.605	5.480.150.786
- Ban QLDA lưới điện - Tổng Cty Điện lực miền Bắc	-	705.883.032
- Ban QLDA lưới điện miền Trung	5.664.000.142	3.837.682.385
- Ban QLDA lưới điện TP Hà Nội	-	67.296.696
- Ban QLDA lưới điện TPHCM	564.077.423	5.181.405.603
- Ban QLDA nhiệt điện 2	2.198.934.915	402.116.792
- Ban QLDA nhiệt điện 3	64.938.295.666	56.388.518.727
- Ban QLDA thủy điện 1	-	363.220.324
- Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	2.770.657.273	1.508.983.636
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền Bắc	726.291.912	5.060.097.713
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam	57.631.182.857	39.194.069.671
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung	54.519.144.417	16.295.910.983
- CN Tổng Công ty phát điện 1 - Công ty thủy điện Đồng Nai	-	1.205.190.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sesan 3A	-	773.592.651
- Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	1.294.079.705	440.717.366
- Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	10.285.918.450	4.916.557.193
- Công ty CP Thủy điện Miền Nam	-	298.812.000
- Công ty CP thủy điện Miền Trung	806.370.145	489.000.000
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	364.036.111	1.197.750.909
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 2	-	1.977.362.384
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	129.892.291	13.325.904
- Công ty Thủy điện Buôn Kốp	4.064.698.801	1.131.445.200
- Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	213.861.625	244.468.646
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	(11.732.156)	978.451.150
- Công ty Truyền tải Điện 1	578.205.916	772.792.838
- Công ty Truyền tải Điện 2	-	781.353.133
- Công ty Truyền tải Điện 3	18.182.346.163	13.280.003.028
- Công ty truyền tải điện 4	5.287.171.352	4.519.899.769
- Điện lực Long An	-	351.966.956

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)
33.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)
Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu với các bên liên quan (tiếp)		
- Tập Đoàn Điện lực Việt Nam - Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	-	68.669.014.984
- Tổng công ty Phát điện 1	691.226.309	3.121.955.739
- Tổng công ty Phát điện 3	-	207.660.871
- Công ty thủy điện Trị An	1.927.545.455	-
- Công ty lưới điện Cao thế TPHCM	59.391.819	-
- Ban QLDA TTĐL Ô Môn	6.995.779.890	-
- Ban QLDA Lưới điện Đồng Nai	805.454.545	-
- VP Dự án XD nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1	-	-
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 1	1.549.363.103	-
- Công ty lưới điện cao thế TP.HCM	-	-
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	80.992.596.762	-
- Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	196.650.000	-
- Công ty TNHH MTV nhiệt điện Thủ Đức	272.727.273	-
Mua hàng với các bên liên quan	2.519.556.802	6.742.260.576
- Công ty CP EVN Quốc Tế	1.425.067.781	640.290.528
- Điện lực Sài Gòn	437.548.184	448.358.617
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	656.940.837	4.279.242.190
- Công ty CP Tư vấn XD điện 1	-	1.374.369.241
Trả cổ tức	1.242.777.000	824.578.500
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	989.494.000	824.578.500
- Tổng Công ty Điện lực TP.HCM	253.283.000	-

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Phải thu khách hàng	58.247.882.446	45.674.873.809
- Điện lực Long An - PC 2	-	387.163.652
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	884.236.760	943.342.059
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	-	3.282.726.096
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	12.104.919.926	10.463.565.991
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	2.162.035.390	2.254.439.706

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)
33.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan (tiếp)

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản phải thu (tiếp)		
<i>Phải thu khách hàng (tiếp)</i>		
- Ban QLDA lưới điện - Tổng Cty Điện lực miền Bắc	70.883.032	141.471.335
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	263.440.545	146.866.650
- Ban QLDA Lưới điện TP Hà Nội	-	74.026.366
- Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	1.483.597.450	924.825.245
- Ban QLDA n/m thủy điện Sơn La	14.246.200	14.246.200
- Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	1.324.878.980	-
- Ban QLDA nhiệt điện 3	12.084.823.121	13.698.457.096
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	17.129.916.156	682.885.675
- Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	1.263.941.474	1.264.489.054
- Ban QLDA thủy điện 1	1.179.227.847	2.215.549.877
- Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 4	-	20.006.505
- Công ty CP ĐT&PT Điện Sê San 3A	335.951.916	335.951.916
- Công ty CP ĐTKD Điện lực TPHCM	139.846.386	139.846.386
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 2	925.990.029	925.990.029
- Công ty CP thủy điện Đắk Nông	50.000.000	50.000.000
- Công ty CP Thủy điện miền Nam	-	38.522.610
- Công ty CP Thủy điện miền Trung	275.650.000	537.900.000
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông	334.679.100	334.679.100
- Công ty lưới điện Cao Thế Miền Trung	353.487.704	353.487.704
- Công ty Lưới điện cao thế TPHCM	13.285.938	13.285.938
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	-	14.658.494
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	1.455.033.380	279.980.551
- Công ty thủy điện Đồng Nai	-	1.325.709.000
- Tổng Công ty Phát điện 1	-	-
- Công ty Truyền tải điện 1	359.006.893	355.454.876
- Công ty Truyền tải điện 3 - EVN	733.561.398	2.446.720.376
- CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - Cty TTĐ4	-	1.925.033.416
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	-	83.591.906
- Ban QLDA các CTĐ tỉnh Đồng Nai - ĐNPC	265.800.000	-

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)
33.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)
Số dư với các bên liên quan (tiếp)

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản phải thu (tiếp)		
<i>Phải thu khách hàng (tiếp)</i>		
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 1	343.924.214	-
- Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1	60.375.200	-
- Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	216.315.000	-
- Ban QLDA nhiệt điện 2	2.418.828.407	-
<i>Trả trước người bán</i>	-	258.640.947
- Công ty CP EVN Quốc Tế	-	251.384.962
- Điện lực Sài Gòn	-	7.255.985
Các khoản phải trả		
<i>Phải trả người bán</i>	2.079.836.734	4.218.352.058
- Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	1.042.594.073	4.218.352.058
- Công ty CP EVN Quốc Tế	1.037.242.661	-
<i>Người mua trả tiền trước</i>	49.007.054.163	55.363.360.943
- Điện lực Bình Dương - PC 2	44.597.000	44.597.000
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	19.817.435.957	9.965.903.162
- Ban QLDA các công trình điện miền	3.077.935.533	5.931.215.633
- Ban QLDA các công trình điện miền	3.942.721.382	3.371.658.552
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	5.300.333.888	5.334.164.494
- Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	3.007.605.709	3.310.073.432
- Ban QLDA nhiệt điện 2	24.101.177	24.101.177
- Ban QLDA nhiệt điện 3	34.354.877	9.042.764.122
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	10.815.423.149	14.100.325.501
- Công ty CP ĐT&PT Điện Sê San 3A	222.242.625	222.242.625
- Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	-	241.756.500
- Công ty CP Thủy điện miền Nam	118.800.000	118.800.000
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	-	812.420.675
- Công ty thủy điện Sông Bung	115.665.598	115.665.598
- Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần	-	1.571.000.000
- Công ty Truyền tải điện 3 - EVN	-	468.773.467
- CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - CtyTTĐ4	-	662.500.000
- Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh	12.500.000	12.500.000

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)
33.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)
Số dư với các bên liên quan (tiếp)

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản phải trả (tiếp)		
Người mua trả tiền trước (tiếp)		
- Trung tâm tư vấn xây dựng điện - HCM PC	12.899.005	12.899.005
- Ban QLDA điện nông thôn miền Trung - PC 3	860.000.000	-
- Công ty CP Phát triển Điện Lực VN	100.438.263	-
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	1.500.000.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc	4.274.473.282	3.165.863.711
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.932.449.928	2.463.537.137
Thù lao Hội đồng Quản trị	1.547.430.316	180.000.000
Thù lao Ban kiểm soát	794.593.038	522.326.574

33.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

33.3 CÁC CAM KẾT
Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê nhà tại số 32 Ngô Thời Nhiệm để xây dựng Văn phòng làm việc. Theo đó, các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 6, Quận 3, TP.HCM căn cứ theo Hợp đồng thuê nhà số 338/HĐTN-KD ngày 30/12/2011 và Phụ lục Điều chỉnh Hợp đồng thuê nhà số 293/ĐC-HĐTN ngày 24/12/2013 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP.HCM, thời hạn thuê được gia hạn 3 năm, từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2016. Căn cứ Phụ lục số 10 ngày 11/01/2017, thời hạn thuê được gia hạn từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2018. Cụ thể như sau:

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	3.346.909.091	3.346.909.091
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	3.346.909.091
Cộng	3.346.909.091	6.693.818.182

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**33.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2017 số 0225/NQ-TVĐ3 ngày 22 tháng 12 năm 2017, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận chưa phân phối với tỷ lệ thực hiện là 70% tương đương 10:7, cụ thể tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 7 cổ phiếu phát hành thêm. Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ngày 30/01/2018, số lượng cổ phiếu đã phát hành thêm là 3.407.653 cổ phiếu, tương đương 34.076.530.000 đồng. Tổng số lượng cổ phiếu sau khi phát hành là 8.276.080 cổ phiếu, trong đó số lượng cổ phiếu lưu hành là 8.276.066 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu quỹ là 14 cổ phiếu. Ngày giao dịch dự kiến của cổ phiếu niêm yết bổ sung là trong tháng 3/2018.

Ngoài ra, không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty

33.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

33.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh đã được tính toán lại như được nêu tại mục 28 và 29 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, cụ thể như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2016 theo BCTC 31/12/2016 đã kiểm toán	Năm 2016 sau điều chỉnh
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.709	2.176
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.709	1.280

Ghi chú: Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán được đăng trên địa chỉ Website: www.pecc3.com.vn

